BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1843 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thực hiện các đề tài NCKH sinh viên thường niên trong năm học 2023-2024 do Trường hỗ trợ kinh phí

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 1171/QĐ-MĐC, ngày 12/11/2020;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 546/TB-MĐC ngày 05/10/2023 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc triển khai thực hiện Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2023-2024 (Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 37);

Theo đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Trưởng các Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 240 đề tài NCKH sinh viên (có danh mục kèm theo) được thực hiện trong kế hoạch năm học 2023-2024. Kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện mỗi đề tài là **2.600.000đ** (bằng chữ: Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) trong đó **2.000.000đ** dành cho sinh viên thực hiện nghiên cứu và **600.000đ** dành cho giáo viên hướng dẫn. Các đề tài được tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy chế hiện hành.

Điều 2. Kinh phí thực hiện cho 240 đề tài trên được trích từ nguồn thu dịch vụ khác năm 2023 của Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Khoa, Bộ môn, phòng Khoa học Công nghệ và phòng Kế hoạch Tài chính, các sinh viên, cán bộ hướng dẫn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- PHT (để phối hợp chỉ đạo);
- HUMG e-OFFICE;
- Đoàn TNCS HCM Trường;
- Lưu: HCTH, KHTC, CTCT-SV, KHCN.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI NCKH SINH VIÊN THƯỜNG NIÊN THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC 2023-2024

(theo Quyết định số 1843 /QĐ-MĐC ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
1	Ứng dụng học máy trong phát hiện giao dịch thẻ tín dụng gian lận	Vũ Đình Hoàng	2121050409	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	Lê Văn Hưng
		Nguyễn Ngọc Minh	2121050595	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	
2	Ứng dụng học máy trong dự đoán khả năng trả nợ tín dụng mua nhà	Bùi Văn Duy	2121050270	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	Lê Văn Hưng
		Chu Tiến Sơn	2121051534	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	
3	Xây dựng mạng xã hội học tập cho sinh viên	Hoàng Công Thuận	2021050033	Mạng máy tính K65A (DCCTMM 65A)	Nguyễn Thế Lộc
		Đinh Văn Hưng	2121050136	Công nghệ phần mềm K66A (DCCTPM 66A)	
		Bùi Thị Minh Hà	2021050225	Công nghệ Phần mềm K65C (DCCTPM 65C)	
		Trương Thị Hoài Thương	2021050024	Công nghệ phần mềm K65B (DCCTPM 65B)	
		Phạm Trung Hải	2121051206	Công nghệ thông tin K66B (DCCTCT K66_06B)	
4	Xây dựng phần mềm một cửa với quy trình Workflow	Nguyễn Việt An	2121050446	Công nghệ Thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	Nguyễn Thế Lộc
		Hoàng Văn Toàn	2121050242	Công nghệ Phần mềm K66D (DCCTPM 66D)	
		Nguyễn Quang Thành	2121050245	Công nghệ Phần mềm K66B (DCCTPM 66B)	
		Nguyễn Xuân Khánh	2121050243	Công nghệ Phần mềm K66A (DCCTPM 66A)	
		Phạm Tiến Dũng	2121060431	Công nghệ Phần mềm K66B (DCCTPM 66B)	
5	Nghiên cứu mô hình phân tích ngôn ngữ của người khiếm thính	Trương Công Chương	2221050390	Công nghệ thông tin CLC K67B (DCCTCLC67B)	Nguyễn Hoàng Long
		Vũ Văn Tỉnh	2221050517	Công nghệ thông tin CLC K67B (DCCTCLC67B)	
		Nguyễn Văn Trường	2221050621	Công nghệ thông tin CLC K67A (DCCTCLC67A)	
		Nguyễn Tùng Khánh	22210507235	Công nghệ thông tin CLC K67B (DCCTCLC67B)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
6	Nghiên cứu ứng dụng mô hình YOLOv8 giải quyết bài toán theo dõi và đếm số lượng người thời gian thực.	Nguyễn Đình Văn	2121050737	Công nghệ thông tin Địa học K66E (DCCTCT66-08E)	Trần Trường Giang
		Trần Đức Huyên	2121050832	Công nghệ thông tin Địa học K66E (DCCTCT66-08E)	
		Vũ ĐứcTài	2121050656	Công nghệ thông tin Địa học K66E (DCCTCT66-08E)	
		Vũ Thế Mạnh	2121051140	Công nghệ thông tin Địa học K66E (DCCTCT66-08E)	
7	Tìm hiểu ứng dụng mạng nơron hồi quy LSTM, Python và Tensorflow trong nghiên cứu nhiệt độ bề mặt	Trần Hồng Ngọc	2221050102	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	Trần Thị Hòa
		Đinh Ngọc Lĩnh	2221050305	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
		Nguyễn Văn Dũng	2221050284	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
		Trần Giang Nam	2221050501	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
8	Nghiên cứu xây dựng ứng dụng hỗ trợ quản lý rác trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thế Hoàn	2121051283	Khoa học dữ liệu K66 (DCCTKH66)	Nguyễn Hoàng Long
		Phạm Thị Liên	2121051542	Khoa học dữ liệu K66 (DCCTKH66)	
		Quách Thành Đông	2121050114	Khoa học dữ liệu K66 (DCCTKH66)	
9	Xây dựng ứng dụng quản lý cơ sở y tế trên địa bàn TP Hà Nội	Hoàng Bảo	2121051041	Công nghệ thông tin K66B (DCCTCT66_06B)	Trần Mai Hương
		Dương Thị Ngọc Thúy	2121050908	Công nghệ thông tin K66D (DCCTCT66_09D)	
		Hồ Viết Trà	2121051113	Công nghệ thông tin K66C (DCCTCT66_05C)	
		Phùng Trọng Duy	2121050646	Công nghệ thông tin K66D (DCCTCT66_09D)	
		Dương Văn Mạnh	2121051081	Công nghệ thông tin K66D (DCCTCT66_05C)	
10	Xây dựng ứng dụng hỗ trợ tìm kiếm thông tin du lịch	Phạm Huy Long	2221050061	Công nghệ thông tin K67A1 (DCCTCT67_A1)	Trần Mai Hương
		Dư Đỗ Quỳnh Trang	2221050722	Công nghệ thông tin K67A1 (DCCTCT67_A1)	
		Phạm Thị Phượng	2221050063	Công nghệ thông tin K67A1 (DCCTCT67_A1)	
		Triệu Ỳ Châu	2221050688	Công nghệ thông tin K67A1 (DCCTCT67_A1)	
		Bùi Thủy Trâm	2221050858	Công nghệ thông tin K67A1 (DCCTCT67_A1)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
11	Phát triển ứng dụng quản lý thông tin thi đấu bóng bàn PingLog	Nguyễn Hoàng Việt	2121051026	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	Trần Trung Chuyên
		Nguyễn Chí Kiên	2121050922	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	
		Hoàng Tuấn Trung	2121050681	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	
		Tạ Thị Thu Huyền	2121050803	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	
		Lý Thị Minh Thu	2121050885	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	
12	Nghiên cứu các kĩ thuật xây dựng ứng dụng 3D GIS	Nguyễn Trung Hiếu	2121050196	Khoa học máy tính K66E (DCCTCT66_07E)	Đinh Bảo Ngọc
		Nguyễn Thị Bảo Ngọc	2221050172	Công nghệ thông tin CLC K67A (DCCTCLC67A)	
		Bùi Văn Linh	2221050746	Công nghệ thông tin CLC K67A (DCCTCLC67A)	
13	Xây dựng website quản lý khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên.	Nguyễn Văn Thắng	2121050131	Công nghệ phần mềm K66D (DCCTCT66_05D)	Trần Trường Giang
		Phan Duy Anh	2121050832	Công nghệ thông tin CLC A K67 (DCCTCLC67A)	
		Trần Đức Thắng	2121050656	Công nghệ phần mềm K66D (DCCTCT66_05D)	
		Bùi Quang Minh	2121051140	Công nghệ thông tin CLC A K67 (DCCTCLC67A)	
14	Ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong phân tích dữ liệu môi trường	Hà Trung Hiếu	2121051127	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLC66A1)	Nguyễn Thị Mai Dung
		Nguyễn Sỹ Long	2121051136	Công nghệ thông tin CLC K66A2 (DCCTCLC66A2)	
		Nguyễn Lê Hoàng	2221050538	Công nghệ thông tin CLC K67C (DCCTCLC67C)	
		Trần Quốc Chính	2221050784	Công nghệ thông tin CLC K67C (DCCTCLC67C)	
15	Xây dựng ứng dụng cảnh báo ô nhiễm môi trường	Nguyễn Quang Hải	2121050617	Công nghệ phần mềm K66C (DCCTCT66_05C)	Nguyễn Thị Mai Dung
		Nguyễn Quang Khải	2121050597	Khoa học máy tinh K66A (DCCTCT66_07A)	
		Lê Văn Nam	2121050594	Mạng máy tính K66D (DCCTCT66_06D)	
		Bùi Thị Phượng	2121051001	Công nghệ phần mềm K66A DCCTCT66_05A)	
		Mai Văn Thuyên	2221050712	Công nghệ thông tin CLC K67C (DCCTCLC67C)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
16	Nghiên cứu xây dựng ứng dụng web quản lý sinh viên 5 tốt cho Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Nguyễn Duy Thái	2121050608	Khoa học máy tính ứng dụng K66C (DCCTCT66C)	Nguyễn Duy Huy
		Nguyễn Thị Hằng	2121050603	Khoa học máy tính ứng dụng K66C (DCCTCT66C)	
		Nguyễn Quang Khải	2121050611	Công nghệ phần mềm K66A (DCCTCT66A)	
		Phạm Văn Tú	2121050628	Tin học kinh tế K66C (DCCTCT66_04C)	
		Lã Hoàng Anh	2221050071	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
17	Nghiên cứu hệ thống đề xuất (Recommendation System) và ứng dụng xây dựng hệ thống đề xuất sách dựa trên các thông tin liên quan	Hà Đình Việt	2121050974	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	Đặng Văn Nam
		Thiều Huy Lực	2121051130	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	
		Hoàng Nhật Nam	2121050796	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	
		Vũ Đức Quỳnh	2121050831	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A2 (DCCTCLC66A2)	
18	Xây dựng mô hình học máy dự đoán bệnh tim dựa trên tập dữ liệu HeartDisease	Nguyễn Văn Huy	2121050061	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A1 (DCCTCLC66A1)	Đặng Văn Nam
		Mai Thị Diễm	2121051350	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A1 (DCCTCLC66A1)	
		Nguyễn Hoàng Tùng Phong	2121050606	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao) K66A1 (DCCTCLC66A1)	
19	Nghiên cứu và ứng dụng học sâu (deep learning) trong nhận dạng ngôn ngữ tay hỗ trợ người câm điếc giao tiếp	Nguyễn Viết Thái	2021050881	Khoa học máy tính ứng dụng K65A (DCCTKH65A)	Nông Thị Oanh
		Võ Nữ Mai Ngọc	2121051512	Khoa học máy tính ứng dụng K65A (DCCTKH65A)	
		Trần Anh Tuấn	2121050513	Khoa học máy tính ứng dụng K66C DCCTCT66-07C	
20	Nghiên cứu ứng dụng FME trong phân tích dữ liệu không gian	Nguyễn Văn Sông	2121050720	Khoa học máy tính A K66 (DCCTKH66A)	Lê Hồng Anh
		Nguyễn Thu Trà	2121050750	Khoa học máy tính B K66 (DCCTKH66B)	
		Nguyễn Quang Huy	2221050558	Công nghệ thông tin (chất lượng cao) A K67 (DCCTCLC67A)	
21	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong cảnh báo hành lang an toàn đường dây	Ngụy Hồng Long	2021050904	Khoa học máy tính ứng dụng B-K65 (DCCTKH65B)	Lê Hồng Anh
		Nguyễn Văn Sáng	2121051134	Khoa học máy tính ứng dụng K66C (DCCTCT66_07C)	
		Nguyễn Quang Đạo	2121050451	Công nghệ phần mềm K66D (DCCTCT66_05D)	
		Khổng Hữu Thiên	2121050576	Công nghệ phần mềm K66E (DCCTCT66_05E)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
22	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản trị dữ liệu Doanh nghiệp.	Bùi Việt Dũng	2121050042	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	Lê Thanh Huệ
		Nguyễn Thế Việt Dũng	2121050092	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	
		Trịnh Công Sơn	2121050194	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	
		Nguyễn Tuấn Việt	2121050227	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	
		Phạm Văn Minh	2121050544	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	
23	Phân tích và dự đoán hành vi của khách hàng trong tối ưu hóa chiến lược tiếp thị.	Lê Thanh Tùng	2121050552	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	Dương Thị Hiền Thanh
		Phan Anh Đức	2121050362	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	
		Nguyễn Văn Hải	2121050627	Công nghệ thông tin CLC K66A1 (DCCTCLCK66A1)	
		Đồng Tuấn Minh	2221050296	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
		Lê Thị Thanh Trúc	2221050205	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
24	Tìm hiểu và xây đựng một số mô hình trong bài toán dự báo khách hàng mua bảo hiểm lữ hành	Trương Văn Cường	2121050428	Công nghệ phần mềm K66 (DCCTCT66_05B)	Vũ Lan Phương
		Ngô Thị Loan	2121050435	Khoa học máy tính K66A (DCCTCT66-07A)	
		Nguyễn Huy Hoàng Phúc	2121050391	Khoa học máy tính K66D (DCCTCT66-07D)	
25	Xây dựng chương trình mô phỏng phân chuyên ngành tại khoa Công nghệ thông tin HUMG	Trần Thọ Lâm	2221050534	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	Dương Chí Thiện
		Nguyễn Lê Thạch Anh	2221050095	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
		Bùi Nguyễn Phong Anh	2221050188	Khoa học dữ liệu K67B (DCCTKH67B)	
26	Ứng dụng hệ mật mã RSA và chữ ký điện tử vào việc mã hóa thẻ căn cước công dân VN	Lê Thị Hậu	2121050579	Hệ thống thông tin K66B (DCCTCT66_09B)	Dương Chí Thiện
		Trần Hải Dương	2121050241	Hệ thống thông tin K66B (DCCTCT66_09B)	
		Nguyễn Tiến Dũng	2121050220	Công nghệ phần mềm K66B (DCCTCT66_05B)	
		Phạm Thị Hải Anh	2121050697	Khoa học máy tính K66D (DCCTCT66_07D)	
		Hoàng Anh Kiệt	2121051516	Công nghệ phần mềm K66E (DCCTCT66_05E)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
27	Tìm hiểu và xây đựng ứng dụng tìm địa điểm đỗ xe trong thành phố Hà Nội	Đinh Tiến Thành	2121050236	Công nghệ Thông tin K66A (DCCTCTK66_09A)	Vương Thị Như Quỳnh
		Vũ Gia Vương	2121050575	Công nghệ Thông tin K66A (DCCTCTK66_09A)	
		Lê Ngọc Hải	2221050781	Công nghệ thông tin K67D1 (DCCTCT67-D1)	
28	Ứng dụng công nghệ Thị giác máy tính vào vấn đề nhận diện rác thải dân dụng	Vũ Tiến Phúc	212105172	Hệ thống thông tin K66A (DCCTCT66_09A)	Đào Thị Thu Vân
		Lê Mai Chi	2121050422	Hệ thống thông tin K66A (DCCTCT66_09A)	
		Trần Văn Bảo	2121050407	Hệ thống thông tin K66A (DCCTCT66_09A)	
		Đỗ Thị Khánh Hoà	2121050441	Hệ thống thông tin K66A (DCCTCT66_09A)	
29	Ứng dụng hệ chuyên gia xây dựng bài toán đưa ra lời khuyên dinh dưỡng cho trẻ em.	Phạm Tuấn Anh	2121050807	Công nghệ Thông tin K66A (DCCTCTK66_09A)	Vương Thị Như Quỳnh
		Nguyễn Thị Diệu linh	2121050916	Công nghệ Thông tin K66A (DCCTCTK66_09A)	
		Nghiêm Thị Kiều Oanh	2121051478	Công nghệ Thông tin K66A (DCCTCTK66_09A)	
30	Xây dựng Smart Glass dành cho người khiếm thị, người già,... Và phần mềm quản lý , theo dõi.	Nguyễn Thành Lập	2021050829	Công nghệ Thông tin K65A (DCCTHT 65A)	Đào Thị Thu Vân
		Nguyễn Thị Huyền	2021050326	Công nghệ Thông tin K65B (DCCTHT65B)	
31	Ngăn xếp, ứng dụng ngăn xếp để xây dựng chương trình tính biểu thức số thực	Nguyễn Hữu Lợi	2221050657	Công nghệ Thông tin K67E1 (DCCTCT67_E1)	Phạm Đức Hậu
		Vũ Ngọc Hiệu	2221050612	Công nghệ Thông tin K67E1 (DCCTCT67_E1)	
		Đặng Quang Anh	2221050834	Công nghệ Thông tin K67E1 (DCCTCT67_E1)	
		Nguyễn Bá Hào	2221050195	Công nghệ Thông tin K67E1 (DCCTCT67_E1)	
32	Nghiên cứu ứng dụng mã nguồn mở và WebGIS xây dựng hệ thống quản lý và giám sát các hoạt động khoáng sản.	Lê Cao Phú Hoàng	2121051528	Công Nghệ Phần Mềm K66D (DCCTCT66_05D)	Trương Xuân Bình
		Nguyễn Thị Trà My	2121051509	Khoa học Máy tính K66D (DCCTCT66_07D)	
		Trần Khánh Hưng	2121051298	Hệ thống Thông tin K66C (DCCTCT66_09C)	
		Nguyễn Như Hoàng	2121051340	Công nghệ phần mềm K66E (DCCTCT66_05E)	
		Lê Thị Thủy		Công nghệ Phần mềm K66B (DCCTCT66_05B)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
33	Tìm hiểu so sánh cài đặt máy chủ XAMMP, Apache, NGINX, Cyberpanel trên hệ điều hành Ubuntu server phục vụ môn học thiết kế website.	2121050654	Nguyễn Phú Đức	Công nghệ phần mềm K66E (DCCTCT66_05E)	Ngô Hùng Long
		2121050643	Nguyễn Hoàng Đạt	Công nghệ phần mềm K66D (DCCTCT66_05E)	
		2121050680	Lê Văn Mạnh	Công nghệ thông tin Địa học K66B (DCCTCT66_08B)	
		2121051274	Chu Công Vĩnh	Công Nghệ Phần Mềm K66C (DCCTCT66_05C)	
34	Nghiên cứu và ứng dụng phân khúc khách hàng bằng thuật toán K-Means	Nguyễn Thị Thu Hà	2121050518	Công nghệ phần mềm K66E (DCCTCT66_05E)	Nguyễn Tuấn Anh
		Trần Thị Anh Đào	2121050538	Hệ thống thông tin K66C (DCCTCT66_09C)	
		Đinh Ngọc Anh	2124010353	Quản trị Marketing - Truyền thông K66B (DCKTKD66_05B)	
		Đoàn Văn Trung	2121050739	Khoa học máy tính K66D (DCCTCT66_07D)	
		Lê Ngọc Hoàng	2121050736	Khoa học máy tính K66C (DCCTCT66_07C	
35	Nghiên cứu triển khai hệ thống cảnh báo xâm nhập mạng.	Lê Trung Hiếu	2021050263	Công nghệ thông tin K65A (DCCTMM65A)	Đỗ Như Hải
		Nguyễn Tùng Linh	2021050395	Công nghệ thông tin K65A (DCCTMM65A)	
		Phạm Trọng Nghĩa	2021050895	Công nghệ thông tin K65A (DCCTMM65B)	
36	Phân tích dữ liệu chứng khoán và xây dựng mô hình dự báo giá cổ phiếu	Đỗ Huy Hoàng	2021050781	Tin học kinh tế K65B (DCCTKT65B)	Dương Thị Hiền Thanh
		Ngô Linh Chi	2021050894	Tin học kinh tế K65B (DCCTKT65B)	
37	Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng di động chấm điểm phiếu trả lời trắc nghiệm	Nguyễn Trần Minh Quân	2121050003	Khoa học máy tính K66A (DCCTCT66_07A)	Nguyễn Tuấn Anh
		Nguyễn Văn Tuấn Hinh	2121050060	Mạng máy tính K66B (DCCTCT66_06B)	
		Nguyễn Minh Đức	2121050043	Công nghệ Phần mềm K66E (DCCTCT66_05E)	
		Nguyễn Hoàng An	2121050064	Mạng máy tính K66E (DCCTCT66_06E)	
		Nguyễn Thúy Nga	2121051524	Hệ thống thông tin K66C (DCCTCT66_09C)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
38	Nghiên cứu , thiết kế robot vận chuyển hàng hóa trong kho (phân xưởng)	Nguyễn Bá Minh Hải	2121060134	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	Uông Quang Tuyến
		Trần Minh Tùng	2121060142	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	
		Hà Ngọc Sơn	2121060066	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	
		Lê Anh Quân	2121060009	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	
		Lê Thế Anh Quân	2121060146	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	
39	Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý nhân sự ứng dụng thẻ RF_ID và công nghệ nhận dạng vân tay	Nguyễn Hữu Đạt	2121060682	Tự động hóa K66B2 (DCCDTD66B2)	Đào Hiếu
		Doãn Văn Hoàn	2121060488	Tự động hóa K66B2 (DCCDTD66B2)	
		Nguyễn Phan Hiếu	2121060482	Tự động hóa K66B2 (DCCDTD66B2)	
		Lương Văn Đức	2121060430	Tự động hóa K66B2 (DCCDTD66B2)	
40	Nghiên cứu thiết kế chương trình giám sát điều điều khiển barie tự động tại cổng Humg	Lê Dụng Nhật	2121060726	Tự động hóa K66B1 (DDCCDTD6B1)	Uông Quang Tuyến
		Trịnh Văn Hùng	2121060276	Tự động hóa K66B1 (DDCCDTD6B1)	
		Bùi Văn Thiện	2121060696	Tự động hóa K66B1 (DDCCDTD6B1)	
		Ngô Đình Thi	2121060368	Tự động hóa K66B1 (DDCCDTD6B1)	
		Nguyễn Minh Tuấn	2121060339	Tự động hóa K66B1 (DDCCDTD6B1)	
41	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý bãi đỗ xe thông minh	Lưu Quý Đức	2121060120	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	Đào Hiếu
		Phạm Quang Duy	2121060005	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	
		Hà Thế Anh	2121060129	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	
		Nguyễn Tùng Anh	2121060040	Tự động hóa K66A1 (DCCDTD66A1)	
42	Nghiên cứu xây dựng mô hình vườn rau thông minh	Trần Thị Minh Ánh	2121060512	Tự động hóa K66C1 (DCCDTD66C1)	Nguyễn Thế Lực
		Phạm Quang Hùng	2121060601	Tự động hóa K66C1 (DCCDTD66C1)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
43	Xây dựng chương trình thiết kế động cơ không đồng bộ bằng phần mềm Matlab – Simulink	Nguyễn Bá Mạc	2121060012	Điện công nghiệp K66 (DCCDKTD66-01)	Đỗ Như Ý
		Đậu Kim Phụng	2121060020	Điện công nghiệp K66 (DCCDKTD66-01)	
		Nguyễn Thanh Bình	2121060096	Điện công nghiệp K66 (DCCDKTD66-01)	
44	Nghiên cứu, thiết kế thiết bị hỗ trợ thi công chống lò trong khai thác than hầm lò vùng Quảng Ninh	Nguyễn Đức Vinh	2121060253	Máy và thiết bị mỏ K66 (DCCDMT66)	Nguyễn Khắc Lĩnh
		Nguyễn Quyền Linh	2121060256	Máy và thiết bị mỏ K66 (DCCDMT66)	
		Phùng Đức Phương	2121060243	Máy và thiết bị mỏ K66 (DCCDMT66)	
45	Nghiên cứu, thiết kế ô tô điện cỡ nhỏ	Nguyễn Tiến Mạnh	2021060496	Cơ khí ô tô K65 (DCCDOT65)	Nguyễn Khắc Lĩnh
		Nguyễn Văn Huân	2021060505	Cơ khí ô tô K65 (DCCDOT65)	
		Đỗ Viết Quang Huy	2021060306	Cơ khí ô tô K65 (DCCDOT65)	
		Ngô Văn Tú	2021060328	Cơ khí ô tô K65 (DCCDOT65)	
46	Nghiên cứu, thiết kế máy bóc vỏ cứng hạt sen tươi	Nguyễn Tiến Đạt	2221060099	Kỹ Thuật ô tô K67A (DCCDOTO 67A)	Phạm Văn Tiến
		Bùi Đại Dương	2221060472	Kỹ Thuật ô tô K67A (DCCDOTO 67A)	
		Nguyễn Việt Thắng	2121060209	Kỹ Thuật ô tô K67A (DCCDOTO 67A)	
47	Điều khiển thiết bị cơ, điện tử bằng cử chỉ ngón tay với Arduino	Nguyễn Duy Tài Trọng	2221060436	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67A (DCCDCDT67A)	Đoàn Công Luận
		Dương Quốc Tùng	2221060450	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67A (DCCDCDT67A)	
		Nguyễn Thế Anh	2221060607	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67A (DCCDCDT67A)	
		Lê Thanh Bình	2221060444	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67A (DCCDCDT67A)	
		Nguyễn Phạm Minh Duy	2221060002	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67A (DCCDCDT67A)	
48	Nhận dạng và theo dõi khuôn mặt bằng Arduino	Nguyễn Việt Khánh	2221060723	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67C (DCCDCDT67C)	Đoàn Công Luận
		Lê Đức Hiếu	2221060566	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67C (DCCDCDT67C)	
		Hồ Thế Bảo	2221060058	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67C (DCCDCDT67C)	
		Lâm Đình Phú	2221060522	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67C (DCCDCDT67C)	
		Phạm Xuân Bách	2221060069	Kỹ thuật Cơ Điện Tử K67C (DCCDCDT67C)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
49	Ứng dụng công cụ thiết kế 3D CATIA V5 và STAR CCM+ để mô phỏng khí động lực học của cánh quạt hướng trục	Nguyễn Văn Phương	2121060144	Máy và thiết bị mỏ K66 (DCCDMT66)	Đặng Vũ Đinh
		Nguyễn Văn Mạnh	2121060285	Máy và thiết bị mỏ K66 (DCCDMT66)	
		Bùi Quang Quân	2121060022	Máy và thiết bị mỏ K66 (DCCDMT66)	
50	Nhận diện khuôn mặt bằng Python và ứng dụng trong điểm danh môn học	Nguyễn Văn Thái	2121060302	Cơ Điện Tử K66A (DCCDCDT66A)	Đặng Vũ Đinh
		Đặng Minh Thư	2121060098	Cơ Điện Tử K66A (DCCDCDT66A)	
		Nguyễn Thanh Tùng	2121060103	Cơ Điện Tử K66A (DCCDCDT66A)	
		Nguyễn Văn Viễn	2121060341	Cơ Điện Tử K66A (DCCDCDT66A)	
51	Ứng dụng phần mềm Matlab – Simulinks trong mô phỏng mô hình lốp	Vũ Kim Đức	332388616	Kỹ thuật ô tô B K67 (DCCDOTO67B)	Nguyễn Thế Hoàng
		Nguyễn Văn Duy	384669442	Kỹ thuật ô tô B K67 (DCCDOTO67B)	
		Nguyễn Xuân Trường	367988004	Kỹ thuật ô tô B K67 (DCCDOTO67B)	
		Dương Anh Tú	378035925	Kỹ thuật ô tô B K67 (DCCDOTO67B)	
52	Xây dựng chương trình tính toán động lực học ô tô	Nguyễn Tiến Đạt	2221060615	Kỹ thuật ô tô A K67 (DCCDOTO67A)	Nguyễn Thế Hoàng
		Nguyễn Đức Thắng	2221060495	Kỹ thuật ô tô A K67 (DCCDOTO67A)	
		Vũ Chí Chung	2221060731	Kỹ thuật ô tô A K67 (DCCDOTO67A)	
		Nguyễn Văn Tiến	2221060530	Kỹ thuật ô tô A K67 (DCCDOTO67A)	
53	Nghiên cứu thiết bị cảnh báo khí độc trên ô tô	Nguyễn Trọng Dương	2121060032	Cơ khí ô tô K66 (DCCDOT66)	Trần Viết Linh
		Hoàng Biên Cương	2121060268	Cơ khí ô tô K66 (DCCDOT66)	
		Trử Quang Phú	2221060558	Kỹ thuật ô tô A K67 (DCCDOTO67A)	
54	Nghiên cứu phương pháp điều khiển hệ thống truyền lực cho ô tô điện	Nguyễn Văn Chiến	2221060521	Kỹ thuật ô tô K67C (DCCDOTO67C)	Trần Viết Linh
		Vũ Văn Duẩn	2221060661	Kỹ thuật ô tô K67C (DCCDOTO67C)	
		Trần Văn Dương	2221060403	Kỹ thuật ô tô K67C (DCCDOTO67C)	
		Phạm Cao Thiên	2221060447	Kỹ thuật ô tô K67C (DCCDOTO67C)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
55	Nghiên cứu tính toán thiết kế máy tách nước ly tâm	Trần Văn Dương	2121060265	Cơ điện tử A K66 (DCCDCDT66A)	Nguyễn Văn Xô
		Lê Đức Kiên	2121060358	Cơ điện tử A K66 (DCCDCDT66A)	
		Trần Ngọc Đăng	2121060349	Cơ điện tử A K66 (DCCDCDT66A)	
56	Thiết kế và mô phỏng động lực học của máy tách nước ly tâm	Nguyễn Duy Nhật	2221060542	Cơ điện tử B K66 (DCCDCDT66B)	Nguyễn Văn Xô
		Bùi Đức Sáng	2221060635	Cơ điện tử B K66 (DCCDCDT66B)	
		Bùi Thu Quỳnh	2221060402	Cơ điện tử B K66 (DCCDCDT66B)	
		Nguyễn Tiến Tường Anh	2221060153	Cơ điện tử B K66 (DCCDCDT66B)	
57	Tính toán thiết kế máy bào vỏ quế	Nguyễn Ngọc Hoàn	2121060025	Công nghệ chế tạo máy 66 (DCCDTM66)	Nguyễn Thanh Tùng
		Cao Tiến Đạt	2221060050	Công nghệ chế tạo máy K67A (DCCDTM67A)	
		Nguyễn Tấn Dũng	2121040607	Công nghệ chế tạo máy 66 (DCCDTM66)	
58	Ứng dụng phần mềm Inventor hỗ trợ tính toán thiết kế khung máy ép thuỷ lực 20 Tấn	Nguyễn Văn Nhã	2121060690	Công nghệ chế tạo máy 66 (DCCDTM66)	Nguyễn Sơn Tùng
		Vũ Trần Nam	2221060169	Cơ khí động lực K67 (DCCDDL67)	
		Nguyễn Đức Khanh	2221060239	Công nghệ chế tạo máy K67B (DCCDTM67B)	
59	Nghiên cứu, tính toán thiết kế máy hàn điểm dành cho sản phẩm tấm mỏng	Đào Tất Bình	2121060537	Công nghệ chế tạo máy K66 (DCCDTM66)	Đoàn Kim Bình
		Nguyễn Hải Dương	2121060648	Công nghệ chế tạo máy K66 (DCCDTM66)	
		Nguyễn Văn Thức	2121060237	Công nghệ chế tạo máy K66 (DCCDTM66)	
60	Ứng dụng kỹ thuật CAE trong tính toán, thiết kế hộp giảm tốc	Trần Việt Đức	2021070067	Công nghệ chế tạo máy K65 (DCCDTM65)	Phạm Tuấn Long
		Tạ Đình Thứ	2021060320	Công nghệ chế tạo máy K65 (DCCDTM65)	
		Nguyễn Đăng Đức Anh	2021060267	Công nghệ chế tạo máy K65 (DCCDTM65)	
		Nguyễn Xuân Trí	1921060533	Công nghệ chế tạo máy K65 (DCCDTM65)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
61	Tính toán thiết kế hệ thống băng tải dùng trục vít	Võ Gia Khánh	2021060308	Công nghệ chế tạo máy K65 (DCCDTM65)	Phạm Tuấn Long
		Đậu Mạnh Hùng	21021060128	Công nghệ chế tạo máy K65 (DCCDTM65)	
		Mai Thanh Toàn	2021060324	Công nghệ chế tạo máy K65 (DCCDTM65)	
62	Tính toán thiết kế máy ép bùn băng tải	Lê Khắc Khánh	2121060559	Cơ khí động lực K66 (DCCDDL66)	Nguyễn Thanh Tùng
		Nguyễn Văn Hoàng	2121060569	Cơ khí động lực K66 (DCCDDL66)	
		Đặng Đình Thức	2121060087	Cơ khí động lực K66 (DCCDDL66)	
63	Tính toán, thiết kế bơm thủy lực bánh răng ăn khớp ngoài dùng cho rôbốt và tay máy công nghiệp	Đặng Sỹ Hùng	2221060392	Công nghệ chế tạo máy K67A (DCCDTM67A)	Nguyễn Văn Lại
		Phạm Vũ Minh Tú	2221060041	Công nghệ chế tạo máy K67B (DCCDTM67B)	
64	Tính toán thiết kế và mô phỏng quá trình làm việc của máy in 3D mini	Trần Văn Tiến	2221060198	Công nghệ chế tạo máy K67B (DCCDTM67B)	Phạm Thị Thủy
		Vũ Mạnh Chuẩn	2221060027	Công nghệ chế tạo máy K67B (DCCDTM67B)	
		Nguyễn Tiến An	2221060036	Công nghệ chế tạo máy K67A (DCCDTM67A)	
65	Nghiên cứu, tính toán thiết kế thang thoát hiểm cá nhân dành cho toà nhà dân dụng	Bùi Ngọc Đại	2221060102	Công nghệ chế tạo máy K67A (DCCDTM67A)	Nguyễn Sơn Tùng
		Hoàng Công Ánh	2221060325	Công nghệ chế tạo máy K67A (DCCDTM67A)	
		Hoàng Khánh Duy	2221060091	Công nghệ chế tạo máy K67A (DCCDTM67A)	
66	Tìm hiểu công nghệ in 3D ứng dụng trọng công nghiệp	Nguyễn Văn Vĩnh	2221060638	Công nghệ chế tạo máy K67B (DCCDTM67B)	Phạm Thị Thủy
		Nguyễn Quốc Đông	2221060016	Công nghệ chế tạo máy K67B (DCCDTM67B)	
		Nguyễn Trọng Bảo Ngọc	2221060243	Công nghệ chế tạo máy K67B (DCCDTM67B)	
67	Nghiên cứu thiết kế chế tạo mạng điện trở khả trình từ 1kΩ đến 100kΩ ứng dụng làm tải giả trong thí nghiệm điện	Đặng Tiến Đạt	2121060698	Điện - Điện tử 66 (DCCDDT66)	Hà Thị Chúc
		Ngô Văn Tiến	2121060227	Điện - Điện tử 66 (DCCDDT66)	
		Nguyễn Huy Hùng	2121060540	Điện - Điện tử 66 (DCCDDT66)	
68	Thiết kế robot tự hành theo cử chỉ tay người	Phùng Xuân Núi	2221060351	Điện - Điện tử 67 (DCCDDT67)	Tống Ngọc Anh
		Nguyễn Duy Niên	2221060487	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K67	
		Phạm Văn Trường	2221060625	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K67	
		Phan Tiến Mạnh	2221060455	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K67	
		Nguyễn Thị Quyên	2221060271	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K67	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
69	Nghiên cứu phương pháp Địa chấn khúc xạ trong xác định cấu trúc địa chất các tầng nông	Trương Thị Khuê	2221010076	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất K67 (DCDKKH67)	Trần Danh Hùng
		Phùng Anh Quân	2221010058	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên K67 (DCDKCNS67)	
		Phạm Thanh Huyền	2221010061	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất K67 (DCDKKH67)	
		Khúc Ngọc Gia Huy	2221010073	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên K67 (DCDKCNS67)	
		Nguyễn Nam Vinh	2221010066	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất K67 (DCDKKH67)	
70	Tìm hiểu giải pháp đảm bảo dòng chảy cho hệ thống đường ống thu gom vận chuyển dầu ở mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi.	Nguyễn Đức Huy	2021010003	Thiết bị Dầu khí K65 (DCDKDK65)	Nguyễn Văn Thịnh
		Ngô Thành Nam	2021010182	Thiết bị Dầu khí K65 (DCDKDK65)	
		Phạm Tuấn Anh	2021010168	Thiết bị Dầu khí K65 (DCDKDK65)	
71	Nghiên cứu các trạng thái chịu tải của đường ống vận chuyển dầu khí.	Trịnh Đức Anh	2021010124	Thiết bị Dầu khí K65	Triệu Hùng Trường
		Dương Khắc Tuấn Anh	2021010182	Thiết bị Dầu khí K65	
		Vũ Xuân Ánh	2021010021	Thiết bị Dầu khí K65	
72	Tìm hiểu về các loại giàn khoan biển đang làm việc tại Việt Nam.	Trần Quang Minh	2021010050	Thiết bị Dầu khí K65	Hoàng Anh Dũng
		Nguyễn Minh Dũng	2021010047	Thiết bị Dầu khí K65	
		Phan Quang Tùng	2021010046	Thiết bị Dầu khí K65	
73	Nghiên cứu các giải pháp an toàn trong vận hành hệ thống đường ống vận chuyển khí Nam Côn Sơn.	Vũ Quang Huy	2121010020	Thiết bị Dầu Khí K66	Nguyễn Thanh Tuấn
		Trần Tuấn Kiệt	2121010089	Thiết bị Dầu Khí K66	
		Trần Văn Vinh	2121010006	Thiết bị Dầu Khí K66	
74	Tính toán các thông số chế độ làm việc của tời khoan trong công tác khoan dầu khí.	Phạm Ngọc Thanh	2121010062	Thiết bị Dầu Khí K66	Hoàng Anh Dũng
		Đinh Tiến Bình	2121010067	Thiết bị Dầu Khí K66	
		Nguyễn Toàn Thắng	2121010005	Thiết bị Dầu Khí K66	
75	Nghiên cứu ảnh hưởng của các công trình biển đến hệ sinh thái và môi trường biển.	Phạm Hải Long	2121010033	Thiết bị Dầu khí K66	Nguyễn Thị Hải Yến
		Võ Tá Việt Đô	2121010069	Thiết bị Dầu khí K66	
		Lê Trọng Hồng Minh	2121010055	Thiết bị Dầu khí K66	
		Đinh Nguyễn Phúc Lâm	2121010015	Thiết bị Dầu khí K66	
76	Nghiên cứu các mô hình ăn mòn - xói mòn trong công trình dầu khí.	Cao Văn Chung	2021010172	Thiết bị Dầu khí K65	Nguyễn Thị Hải Yến
		Nguyễn Minh Anh	2021010051	Thiết bị Dầu khí K65	
		Lê Trung Anh	2021010199	Thiết bị Dầu khí K65	
77	Xử lí muối lắng đọng trong ống nâng của các giếng khai thác gaslift ở mỏ Bạch Hổ	Hà Đăng Hải	2221010055	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	Vũ Thiết Thạch
		Doãn Thanh Tình	2221010053	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	
		Vũ Văn Đức	2221010083	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	
		Trịnh Văn Huy	2221010072	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
78	Nghiên cứu giải pháp khai thác dầu khi kết hợp bơm ly tâm điện chìm và gaslift cho các giếng mỏ Thăng Long - Đông Đô	Nguyễn Vũ Hoàng Thy	2221010054	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	Lê Quang Duyến
		Nguyễn Ngọc Anh	2221010018	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	
		Nguyễn Huy Hiệu	2221010048	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	
		Nguyễn Đình Phi Long	2221010060	Kĩ thuật dầu khí K67 (DCDKDK67)	
79	Nghiên cứu phương pháp trám xi măng khô để thi công khoan thăm dò qua địa tầng phức tạp ở bể than Quảng Ninh	Nguyễn Đức Tuân	2221010054	Khoan - Khai thác K66 (DCDKKK66)	Nguyễn Trần Tuân
		Phạm Hồng Minh Tuấn	2221010018	Thiết bị dầu khí K66 (DCDKTB66)	
		Nguyễn Quang Thương	2221010048	Khoan - Khai thác K66 (DCDKKK66)	
		Bùi Tuấn Nghĩa	2221010060	Khoan - Khai thác K66 (DCDKKK66)	
80	Nghiên cứu xác định hệ số nén cho khí thiên nhiên tại mỏ X bằng ngôn ngữ lập trình Python	Dương Quốc Đạt	2221010009	Kĩ thuật khí thiên nhiên (DCDKTN67)	Nguyễn Khắc Long
		Phùng Huy Hoàng	2221010084	Kĩ thuật khí thiên nhiên (DCDKTN67)	
		Lê Quang Tùng	2221020006	Kĩ thuật khí thiên nhiên (DCDKTN67)	
		Nguyễn Đức Toàn	2221010016	Kĩ thuật khí thiên nhiên (DCDKTN67)	
		Trần Minh Đức	2224010368	Kĩ thuật khí thiên nhiên (DCDKTN67)	
81	Lựa chọn hệ dung dịch khoan trong đá Móng nứt nẻ mỏ Bạch Hổ	Nguyễn Đức Việt	2121010029	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	Trương Văn Từ
		Đào Vinh Hiếu	2121010045	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	
		Phạm Văn Đông	2121010011	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	
		Phạm Xuân Bắc	2121010012	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	
82	Trực quan hoá số liệu khai thác dầu khí lên bản đồ số	Đỗ Ánh Dương	2121010046	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	Nguyễn Văn Thành
		Nguyễn Đức Việt	2121010029	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	
		Đào Vinh Hiếu	2121010045	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	
		Phạm Văn Đông	2121010011	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	
		Phạm Xuân Bắc	2121010012	Khoan khai thác K66 (DCDKKK66)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
83	Nghiên cứu chế tạo nano đồng chitosan có khả năng kháng nấm định hướng ứng dụng bảo vệ thực vật	Kong Rachana	2021010002C	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K65	Vũ Văn Toàn
		Phạm Hoàng Việt	2221010051	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K65	
		Lê Đình Tuấn Anh	2221010013	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	
		Chhem Socheata	2121010091L	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	
		Vũ Thị Nga	2021090012	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	
84	Nghiên cứu chế tạo vật liệu composite tự nhiên có khả năng lưu trữ năng lượng	Trương Ngọc Toan	2221010001	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	Tống Thị Thanh Hương
		Lê Thị Hoa	2221010034	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	
		Phạm Thị Hà Phương	2221010074	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	
		Nguyễn Văn Hoàn	2221010040	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	
		Nguyễn Tiến Minh	2221010079	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K67	
85	Nghiên cứu quy trình tổng hợp nano-từ tính (nano-Fe3O4) để loại bỏ vi nhựa	Nguyễn Huy Hoàng	2221010008	Công nghệ kĩ thuật hóa học K67 (DCDKLD67)	Phạm Xuân Núi
		Nguyễn Ngọc Châu	2221010015	Công nghệ kĩ thuật hóa học K67 (DCDKLD67)	
		Phạm Minh Ánh	2221010068	Công nghệ kĩ thuật hóa học K67 (DCDKLD67)	
86	Nghiên cứu động học và đánh giá độ chuyển hóa của phản ứng thủy phân Ethylacetate trong dung dịch NaOH bằng phương pháp đo độ dẫn điện	Nguyễn Văn Đạt	2021010157	Công nghệ kĩ thuật hóa học K65	Ngô Thanh Hải
		Nguyễn Việt Thăng	2021010193	Công nghệ kĩ thuật hóa học K65	
87	Nghiên cứu đánh giá hàm phân bố thời gian lưu và độ chuyển hóa trong thiết bị phản ứng dòng liên tục bằng phương pháp đo độ dẫn điện	Vũ Trọng Phú	2021010074	Công nghệ kĩ thuật hóa học K65	Ngô Thanh Hải
		Lê Minh Tuấn	2021010143	Công nghệ kĩ thuật hóa học K65	
88	Nghiên cứu chế tạo nâng cao hiệu quả sử dụng chất xác tác sinh học và ứng dụng cho một số chuyển hóa	Hà Trọng Mạnh	2021010159	Công nghệ kĩ thuật hóa học K65	Nguyễn Thị Linh
		Bùi Thị Thúy	2021010084	Công nghệ kĩ thuật hóa học K65	
89	Nghiên cứu lựa chọn hệ thống thiết bị để nâng cao hiệu quả xử lý lắng đọng muối trong ống khai thác trên giàn BKThTC 2.	Nguyễn Văn Hào	2021010178	Thiết bị Dầu khí K65	Lê Đức Vinh
		Nguyễn Thị Huyền	2021010038	Thiết bị Dầu khí K65	
		Nguyễn Đức Phương	2021010117	Thiết bị Dầu khí K65	
90	Xây dựng công cụ trực quan hóa dữ liệu trên nền tảng Power PI hỗ trợ quản lý khai thác mỏ tại mỏ Ruby Lô 01&02	Bùi Hồng Phúc	2021010184	Khoan Khai thác K65 (DCDKDK65)	Lê Quang Duyến
		Võ Văn Cường	2021010174	Khoan Khai thác K65 (DCDKDK65)	
		Đỗ Gia Hòa	2021010179	Khoan Khai thác K65 (DCDKDK65)	
		Nguyễn Quý Dương	2221010020	Khoan Khai thác K67 (DCDKDK67)	
		Hà Thọ Minh Hiếu	2221010010	Khoan Khai thác K67 (DCDKDK67)	
91	Nghiên cứu khả năng hấp phụ Hg2+ của vật liệu mao quản biến tính	Phum Vanda	1921010006C	CTTT K10	Nguyễn Thị Linh
		Phạm Thị Thu Thảo	2121010021	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K66	
		Trần Thị Ngọc Lan	2121010081	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K66	
		Vũ Huy Hiếu	2121010013	Công nghệ Kỹ thuật Hoá học K66	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
92	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu MOF-199/TiO2 ứng dụng xử lý chất màu hữu cơ.	Nguyễn Thị Thương	2221000015	Hóa dược K67 (DCCBHD67)	Nguyễn Thị Thu Hiền
		Nguyễn Thị Phương Thảo	2221000013	Hóa dược K67 (DCCBHD67)	
		Nguyễn Lâm Quỳnh	2221000014	Hóa dược K67 (DCCBHD67)	
93	Đặc điểm cấu trúc địa chất khống chế quặng hóa mỏ Pb-Zn khu vực Bản Thi, Chợ Đồn, Bắc Kạn	Nguyễn Thanh Bình	2021020062	Địa chất học K65 (DCDCDH65)	Bùi Vinh Hậu
94	Nghiên cứu nhu cầu du lịch địa chất của khách du lịch tại địa bàn 2 xã Hữu Liên và xã Yên Thịnh huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Đỗ Thị Hoàng An	2121020050	Du lịch địa chất K66 (DCDLDC-K66)	Phan Văn Bình
		Nguyễn Duy Thái	2121020073	Du lịch địa chất K66 (DCDLDC-K66)	
		Nguyễn Thị Khánh Linh	2121020026	Du lịch địa chất K66 (DCDLDC-K66)	
95	Xây dựng chương trình du lịch địa chất tại 2 huyện Hữu Lũng và huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn)	Nguyễn Thị Minh Thư	2121020056	Du lịch địa chất K66 (DCDLDC-K66)	Phan Văn Bình
		Mai Khánh Linh	2121020049	Du lịch địa chất K66 (DCDLDC-K66)	
		Hoàng Thị Hằng	2121020091	Du lịch địa chất K66 (DCDLDC-K66)	
96	Nghiên cứu các loài foraminifera khu vực Bạc Liêu-Sóc Trăng	Hoàng Hoài Thu	2121020086	Địa chất học K66	Ngô Thị Kim Chi
		Nguyễn Thị Thùy Linh	2121020040	Địa chất học K66	
97	Nghiên cứu ứng dụng công cụ lập trình Matlab trong trích suất chỉ số địa mạo - kiến tạo định lượng. Lấy ví dụ cho nghiên cứu kiến tạo hoạt động khu vực thượng nguồn sông Đà.	Lưu Quang Chung	2021020081	Địa chất học K65 (DCDCDH65)	Vũ Anh Đạo
		Nguyễn Thị Phương Anh	2221020038	Địa chất học K67 (DCDCDH67)	
		Đoàn Vũ Khánh	2221020148	Địa chất học K67 (DCDCDH67)	
98	Đặc điểm tiến hóa trầm tích vùng biển Tây Nam trong Holocen trên cơ sở minh giải tài liệu địa chấn	Lê Thị Bích Hằng	2021020074	Địa chất học K65	Nguyễn Hữu Hiệp
		Ngô Xuân Nhất	2321020017	Địa chất học K68	
		Viên Thế Quang Dũng	2321020004	Địa chất học K68	
99	Nghiên cứu sức hấp dẫn điểm đến du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng.	Nguyễn Thanh Chúc	2221010009	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	Đỗ Mạnh An
		Tô Thanh Hằng	2221020087	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	
		Nguyễn Thị Hồng Hoa	2221020041	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	
		Trần Huyền Trang	2221020096	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	
100	Đặc điểm địa chất vùng Trấn Yên, Yên Bái và chất lượng kaolin mỏ Báo Đáp	Đỗ Tuấn Anh	2121020081	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Phạm Thị Thanh Hiền
		Nguyễn Thị Khánh Linh	2121020090	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
101	Đặc điểm địa chất - quặng hóa và nhận định kiểu mỏ nguồn gốc điểm quặng vàng Làng Đầu, Yên Thổ, Cao Bằng	Mai Thị Nhung	2021020011	Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	Lê Xuân Trường
		SONEPHANTHANATH Nongkhamphanh	2021020001L	Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	
		Đoàn Tùng Lâm	2021020115	Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	
102	Đặc điểm quặng hóa đồng khu vực Làng Lân xã Giáo Liêm huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang	Đoàn Mạnh Cường	2121020028	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Lê Thị Thu
		Phạm Minh Đức	2121020055	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
		Lê Võ Trường Huy	2221020050	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	
103	Nghiên cứu xác dịnh tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm quặng Molipden khu vực Sa Pa, Lào Cai.	Nguyễn Văn Trường	2221020068	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	Nguyễn Duy Hưng
		Lường Thị Như Quỳnh	2221020101	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	
		Nguyễn Hải Linh	2221020020	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	
104	Đặc điểm thành phần vật chất một số thể đá mafic khu vực Sông Mã, Sơn La.	Vũ Minh Khánh	2121020087	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Nguyễn Khắc Du
		Lê Đình Khánh	2121020089	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
		Trịnh Trung Sơn	2121020021	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
105	Đặc điểm địa chất và phân bố quặng thiếc khu vực Suối Mai, Quỳ Hợp, Nghệ An	Nguyễn Đức Chiến	2121020011	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Phan Viết Sơn
		Phùng Thị Thu Hằng	2121020069	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
		Nguyễn Tuấn Tú	2121020092	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
106	Nghiên cứu sự suy giảm độ bền của đất phong hóa hệ tầng Long Đai ở khu vực Quảng Bình và ảnh hưởng đến hệ số ổn định mái dốc	Nguyễn Ngọc Thịnh	2121020036	Địa Kỹ thuật Xây dựng K67 (DCDCDKT67)	Bùi Trường Sơn
		Nguyễn Hoàng Đức Anh	2121020015		
		Lê Quang Tấn	2121020034		
107	Nghiên cứu khả năng sử dụng tro bã mía thay thế xi măng làm vữa xây các công trình trường học vùng cao	Nguyễn Đức Tân Thiều Quang Hùng Hoàng Văn Thinh Lý Duy Nam	2121020043 2121060643 2121020062 2121020019	Địa Kỹ thuật Xây dựng K66 (DCDCDKT66)	Nguyễn Thị Nụ
108	Đặc điểm sức kháng cắt của đất trong điều kiện tự nhiên và bão hòa	Phí Mạnh Duy Trần Trung Kiên Trịnh Văn Linh Phạm Thành Long Lại Thành Luân	2221020014 2221020138 2221020065 2221020007 2221020089	Địa Kỹ thuật Xây dựng K67 (DCDCDKT67)	Phạm Thị Việt Nga

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
109	Nghiên cứu thành lập một số bản đồ yếu tố liên quan đến trượt lở dựa trên dữ liệu mô hình số độ cao (DEM) phục vụ đánh giá nguy cơ tai biến	Nguyễn Duy Tuấn Dương Trung Kiên Trần Duy Dũng Nguyễn Hữu Việt	2121020038 2121020006 2121020037 2121020076	Địa Kỹ thuật Xây dựng K66 (DCDCDKT66)	Dương Văn Bình
110	Nghiên cứu cải tạo đất bùn thải nạo vét từ các sông hồ khu vực Hà Nội làm vật liệu san lấp nền công trình xây dựng	Vũ Hoàng Anh Phạm Văn Khởi	2021020155 2021020171	Địa Kỹ thuật Xây dựng K65 (DCDCDKT65)	Bùi Văn Bình
111	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng tro trấu, tro rơm rạ đến cường độ kháng nén một trục của hỗn hợp đất-xi măng ở khu vực ven biển đồng bằng sông Cửu Long	Đinh Tiến Ngọ Nguyễn Hữu Khoa	2021020157 2021020173	Địa Kỹ thuật Xây dựng K65 (DCDCDKT65) Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	Nguyễn Thành Dương
112	Nghiên cứu đánh giá khả năng hóa lỏng của cát khu vực quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh thông qua thí nghiệm SPT	Tăng Văn Quang Nguyễn Đức Xuân Đoàn Mạnh Quỳnh Nghiêm Xuân Minh Nguyễn Văn Tuấn Anh	2121020046 2121020065 2121020003 2121020075 2121020022	Địa Kỹ thuật Xây dựng K66 (DCDCDKT66)	Nguyễn Văn Hùng
113	Nghiên cứu biểu hiện của hoạt động kiến tạo trẻ lưu vực sông Tiền (Tây Nam Bộ)	Vũ Vân Anh	2121020054	Địa chất học K66	Ngô Thị Kim Chi
		Lâm Đại Nam	2121020079	Địa chất học K66	
		Vũ Thành An	2121020002	Địa chất học K66	
114	Sử dụng thuật toán học máy (Machine learning) trong nhận diện đối tượng tự động trong ảnh viễn thám. Ứng dụng trong ngành địa chất đô thị.	Bàng Hương Nhi	2221020043	Địa Chất Học K67 (DCDCDH67)	Vũ Anh Đạo
		Nguyễn Minh Đức	2221020064	Địa Chất Học K67 (DCDCDH67)	
		Lê Thành Đạt	2221020004	Địa Chất Học K67 (DCDCDH67)	
115	Tìm hiểu về tác động của các công nghệ mới trong du lịch như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật và thực tế ảo đến việc tăng cường trải nghiệm khách hàng và phát triển du lịch.	Tạ Anh Quân	2221020067	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	Đỗ Mạnh An
		Bùi Trà My	2221020019	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	
		Hoàng Thùy Trang	2221020111	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	
		Nguyễn Bá Quốc Trung	2221020022	Du lịch địa chất K67 (DCDCDL67)	
116	Cách thành lập bảng tổng hợp thứ tự sinh thành và tổ hợp cộng sinh khoáng vật trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoáng tướng. Ví dụ với mỏ Pb-Zn vùng Bản Lìm, Cao Bằng.	Vũ Xuân Bá	2021020167	Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	Hoàng Thị Thoa
		Tô Đình Sáng	2221020002	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	
117	Tổng hợp kết quả nghiên cứu về Lithium Việt Nam	Lê Bảo Nguyên	2121020025	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Phan Viết Sơn
		Nguyễn Phương Nam	2121020088	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
118	Nghiên cứu đề xuất phương pháp khôi phục trạng thái của đất rời ở trong phòng để xác định một số chỉ tiêu cơ lý.	Nguyễn Sơn Bá Vũ Như Quang Nguyễn Tuấn Quang Nguyễn Đức Nhật	2221020049 2221020028 2221020036 2221020058	Địa Kỹ thuật Xây dựng K67 (DCDCDKT67)	Nguyễn Văn Phóng
119	Nghiên cứu ứng dụng bê tông cốt sợi trong chế tạo gạch lát vỉa hè	Nguyễn Khánh Ly Vũ Bảo Nguyễn Văn Thắng Nguyễn Xuân Quý	2121020058 2121020061 2121020004 2121020083	Địa Kỹ thuật Xây dựng K66 (DCDCDKT66)	Bùi Văn Bình
120	Đặc điểm sụt lún Karst khu vực bệnh viện Bắc Hà, Lào Cai và đề xuất giải pháp xử lý	Đoàn Quang Trường Đỗ Mạnh Toàn Trần An Khánh	2121020078 2121020017 2121020018	Địa Kỹ thuật Xây dựng K66 (DCDCDKT66)	Phạm Minh Tuấn
121	Nghiên cứu thực trạng mắc bệnh trầm cảm hiện nay	Phạm Thị Thùy Linh	2124011985	Quản trị Marketing - Truyền thông B K66 (DCKTKD66_05B)	Nguyễn Thanh Thủy
		Ngyễn Thùy Anh	2124010340	Quản trị Marketing - Truyền thông B K66 (DCKTKD66_05B)	
		Nguyễn Thị Mai Anh	2124011943	Quản trị Marketing - Truyền thông C K66 (DCKTKD66_05C)	
		Đỗ Thị Khánh Tân	2124012036	Quản trị Thương mại điện tử G K66 (DCKTKD66_04G)	
		Trần Nguyễn Anh Thư	2124012051	Quản trị Marketing - Truyền thông B K66 (DCKTKD66_05B)	
122	Nghiên cứu thực trạng tự học của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Nguyễn Thị Anh	2124011865	Tài chính Ngân hàng C2 K66 (DCKTTN66C2)	Nguyễn Thanh Thủy
		Hoàng Thanh Huyền	2124011949	Tài chính Ngân hàng C2 K66 (DCKTTN66C2)	
		Chu Thị Ánh	2124011935	Tài chính Ngân hàng C2 K66 (DCKTTN66C2)	
		Đinh Thị Thanh Loan	2124011649	Tài chính Ngân hàng C1 K66 (DCKTTN66C1)	
		Nguyễn Ngọc Linh	2124010321	Quản trị Marketing - Truyền thông B K66 (DCKTKD66_05B)	
123	Giải pháp marketing địa phương phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang	Trương Thị Thùy Trang	2124010262	Quản trị kinh doanh A K66 (DCKTKD66_01A)	Nguyễn Lan Hoàng Thảo
		Tô Thuỳ Hiền Trang	2124010013	Quản trị Marketing - Truyền thông A K66 (DCKTKD66_05A)	
		Bùi Huyền Dịu	2124011954	Tài chính Ngân hàng C2 K66 (DCKTTN66C2)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
124	Thực trạng và giải pháp tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất	Phạm Mai Hương	2124010633	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	Nguyễn Lan Hoàng Thảo
		Trần Thị Khuyên	2124010617	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66_01C)	
		Nguyễn Thị Hạnh	2124010620	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	
		Nghiêm Đức Mạnh	2124010563	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	
		Lê Thanh Tùng	2124010023	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	
125	Nghiên cứu xu hướng tiêu dùng sản phẩm hữu cơ nông sản tại thị trường Hà Nội và một số giải pháp Marketing truyền thông cho sản phẩm hữu cơ tại Công ty TNHH Quốc tế ANBIO	Nguyễn Thị Hồng Khánh	2124010933	Quản trị kinh doanh B K66 (DCKTKD66_01B)	Trần Văn Hiệp
		Phạm Thị Dịu	2124010938	Quản trị Marketing - Truyền thông E K66 (DCKTKD66_05E)	
		Đỗ Thị Thu Hương	2224010209	Quản trị kinh doanh B K67 (DCKTKD67_01B)	
126	Tác động của các thành phần giá trị thương hiệu đến hành vi tiêu dùng nông sản đặc sản của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thanh Thư	2124011578	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66_01C)	Nguyễn Thu Hà
		Nguyễn Hồng Phúc	2121040768	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66_01C)	
		Nguyễn Minh Đức	2124010713	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66_01C)	
127	Sử dụng mạng xã hội Facebook trong hoạt động truyền thông và marketing của các tổ chức. Ứng dụng tại một số Fanpage của Khoa Kinh tế - QTKD	Bùi Thị Thúy Hà	2124010910	Kế toán C2 K66 (DCKTKT66C2)	Phạm Ngọc Tuấn
		Nguyễn Thúy Hằng	2124010983	Kế toán C2 K66 (DCKTKT66C2)	
		Lê Việt Hà	2124010752	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C1)	
		Nguyễn Thị Trang Nhung	2124010807	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C1)	
		Đậu Khắc Thạch	2124012197	Quản trị Marketing - Truyền thông B K66 (DCKTKD66_05B)	
128	Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển kinh tế đêm ở một số quốc gia, áp dụng vào quảng bá phát triển hoạt động kinh tế đêm của thành phố Hà Nội.	Cao Thùy Linh	2124010786	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	Lê Minh Thống
		Phạm Hồng Linh	2124010750	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	
		Nguyễn Thùy Linh	2124010781	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	
		Nguyễn Thị Hiền	2124010721	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	
		Hà Thị Trang	2124010745	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
129	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức bảo vệ môi trường của sinh viên Đại học Mỏ- Địa Chất	Nguyễn Thị Huế	2024012065	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	Nguyễn Thị Kim Ngân
		Mai Thị Hoài	2024012145	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	
		Ngô Thu Trang	2024011647	Kế toán B2 K65 (DCKTKT65_B2)	
		Phạm Thị Ngọc Lan	2024011805	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	
		Nguyễn Thị Thu Thảo	2024011610	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	
130	Nghiên cứu thực trạng và xu hướng thị trường than năng lượng trong bối cảnh chuyển dịch năng lượng hiện nay	Trần Thị Ngọc	2124012179	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	Nguyễn Thị Hoài Nga
		Ma Thị Huyền Châu	2124011752	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	
		Đinh Ngọc Chi	2124010282	Quản lý công nghiệp A K66 (DCKTCN66A)	
131	Phát triển chuỗi cung ứng tuần hoàn ngành công nghiệp mỏ than Việt Nam	Nguyễn Hữu Bách	2224010105	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K67 (DCKTCN67_02B)	Lê Đình Chiều
		Nguyễn Xuân Khương	2224010666	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K67 (DCKTCN67_02B)	
		Ngô Lâm Vũ	2224010126	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K67 (DCKTCN67_02B)	
		Nguyễn Ngọc Tố	2224010761	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K67 (DCKTCN67_02B)	
		Nguyễn Mạnh Cường	2224010302	Quản lý công nghiệp A K67 (DCKTCN67_01A)	
132	Nghiên cứu nhận thức của sinh viên trường đại học Mỏ - Địa chất về đại sứ thương hiệu là người nổi tiếng	Đặng Thị Thu Hiền	2124011008	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	Nguyễn Văn Thưởng
		Bùi Thị Minh Hằng	2124011024	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
		Nguyễn Thị Thanh Mai	2124010981	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
		Dương Quế Anh	2124010931	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
		Nguyễn Thị Hồng Nhung	2124010831	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
133	Mối quan hệ giữa ý định tới hành vi khởi nghiệp trong sinh viên: Góc nhìn yếu tố cá nhân sinh viên	Dương Thị Ngọc	2124010004	Quản trị Thương mại điện tử B K66 (DCKTKD66_04B)	Nguyễn Đức Thắng
		Trần Quốc Trung	2124010047	Quản trị Thương mại điện tử B K66 (DCKTKD66_04B)	
		Nguyễn Thị Nương	2124010085	Quản trị Thương mại điện tử B K66 (DCKTKD66_04B)	
		Lê Mạnh Duy	2121060169	Quản trị Thương mại điện tử G K66 (DCKTKD66_04G)	
		Trần Thị Mỹ Hạnh	2124010111	Quản trị Thương mại điện tử B K66 (DCKTKD66_04B)	
134	Ảnh hưởng của trải nghiệm giao hàng điểm cuối tới sự hài lòng khách hàng trong TMĐT B2C	Trịnh Quang Huy	2124011092	Quản lý công nghiệp A K66 (DCKTCN66A)	Phạm Kiên Trung
		Võ Ngọc Khánh	2124012245	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	
		Đỗ Hồng Thị Vân	2124012211	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	
		Phạm Thu Hà	2124012252	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	
		Nguyễn Kim Ngọc	2124012249	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	
135	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng với dịch vụ giao hàng chặng cuối của các công ty giao hàng TMĐT trên địa bàn thành phố Hà Nội	Tạ Thị Quyên	2124011059	Quản trị Thương mại điện tử E K66 (DCKTKD66_04E)	Nguyễn Thị Hường
		Nguyễn Thị Kim Oanh	2124011081	Quản trị Thương mại điện tử E K66 (DCKTKD66_04E)	
		Đoàn Danh Tiệp	2124012318	Quản trị Thương mại điện tử E K66 (DCKTKD66_04E)	
136	Phát triển bền vững ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2030	Nguyễn Tú Anh	2224010842	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng A K67 (DCKTCN67_02A)	Nguyễn Ngọc Khánh
		Nguyễn Phạm Lan Anh	2224010496	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K67 (DCKTCN67_02B)	
		Hoàng Khánh Chi	2224010358	Quản lý công nghiệp B K67 (DCKTCN67_01B)	
		Nguyễn Thị Thu Huyền	2224010095	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng A K67 (DCKTCN67_02A)	
		Nguyễn Thị Thuỳ Linh	2224010456	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng A K67 (DCKTCN67_02A)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
137	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng khi mua sắm trên sàn thương mại điện tử Tiktokshop	Lê Nguyễn Vân Chi	2124011144	Quản trị Thương mại điện tử A K66 (DCKTKD66_04A)	Lê Văn Chiến
		Phạm Thị Dung	2124011313	Quản trị Thương mại điện tử A K66 (DCKTKD66_04A)	
		Nguyễn Thị Thùy Linh	2124011150	Quản trị Thương mại điện tử A K66 (DCKTKD66_04A)	
		Nguyễn Thị Thắm	2124011516	Quản trị Thương mại điện tử A K66 (DCKTKD66_04A)	
		Tô Quý Hưởng	2124011203	Quản trị Thương mại điện tử A K66 (DCKTKD66_04A)	
138	Ảnh hưởng của công nghệ trí tuệ nhân tạo đến hành vi mua hàng trực tuyến tại các sàn thương mại điện tử của khách hàng trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Thị Thoa	2124011871	Quản trị Thương mại điện tử G K66 (DCKTKD66_04G)	Lê Văn Chiến
		Nguyễn Kiều Linh	2124011916	Quản trị Thương mại điện tử G K66 (DCKTKD66_04G)	
		Lê Thu Hà	2124010966	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
		Nguyễn Cẩm Ly	2124011996	Quản trị Thương mại điện tử G K66 (DCKTKD66_04G)	
		Trần Thị Hương	2224010882	Quản trị Thương mại điện tử A K66 (DCKTKD66_04A)	
139	Nghiên cứu ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ hoạt tư vấn tuyển sinh hệ đại học chính quy trường đại học Mỏ-Địa chất	Nguyễn Đức Quang Linh	2024012259	Quản trị Thương mại điện tử A K65 (DCKTKDTM65A)	Đào Anh Tuấn
		Phạm Ngọc Thích	2124011333	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66C)	
		Nguyễn Thị Huê	2024011802	Quản trị Thương mại điện tử A K65 (DCKTKDTM65A)	
		Lê Trung Triệu	2024012335	Kế toán C1 K65 (DCKTKT65_C1)	
140	Xây dựng chiến dịch truyền thông đa phương tiện nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên trường đại học Mỏ - Địa chất về giảm thải rác nhựa trong hoạt động mua sắm trực tuyến	Nguyễn Đình Hiệp	2124011192	Quản trị Thương mại điện tử F K66 (DCKTKD66_04F)	Phạm Kiên Trung
		Lưu Thị Nhâm	2124011058	Quản trị Thương mại điện tử E K66 (DCKTKD66_04E)	
		Phạm Hoàng Vũ	2124010751	Quản trị Marketing - Truyền thông D K66 (DCKTKD66_05D)	
		Vũ Thị Hồng Phượng	2124010836	Quản trị Marketing - Truyền thông E K66 (DCKTKD66_05E)	
		Nguyễn Thị Mùi	2224010267	Quản trị thương mại điện tử A K67 (DCKTKD67_04A)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
141	Nghiên cứu ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ hoạt động tự học của sinh viên khối ngành Kinh tế trường đại học Mỏ-Địa chất	Phạm Gia Khương	2124010015	Quản trị Thương mại điện tử B K66 (DCKTKD66_04B)	Đào Anh Tuấn
		Phạm Thị Nhàn	2224011056	Quản trị Thương mại điện tử B K67 (DCKTKD67_04B)	
		Nguyễn Thúy Nga	2224010078	Quản trị Thương mại điện tử B K67 (DCKTKD67_04B)	
		Nguyễn Thùy Dương	2124011874	Kế toán F1 K66 (DCKTKT66F1)	
		Phạm Đức Cương	2124011667	Quản trị Thương mại điện tử G K66 (DCKTKD66_04G)	
142	Nghiên cứu các giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoạt động bán hàng trên các nền tảng mạng xã hội	Nguyễn Ngọc Minh Anh	2124012200	Quản trị Thương mại điện tử E K66 (DCKTKD66_04E)	Lê ThịThu Hường
		Phạm Thị Việt	2124010166	Quản trị Thương mại điện tử F K66 (DCKTKD66_04F)	
		Đào Thị Xuân	2124010184	Quản trị Thương mại điện tử E K66 (DCKTKD66_04E)	
		Lê Thị Dịu Nhi	2124010548	Quản trị Thương mại điện tử C K66 (DCKTKD66_04C)	
		Nguyễn Gia Bách	2224010192	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K67 (DCKTCN67_02B)	
143	Tác động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình	Nguyễn Văn Khải	2124012185	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	Đồng Thị Bích
		Ngô Thị Hoài	2124012247	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	
		Nguyễn Thị Hồng	2124012244	Quản lý công nghiệp B K66 (DCKTCN66B)	
		Trần Văn Khải Hoàn	2124011853	Quản trị Marketing - Truyền thông A K66 (DCKTKD66_05A)	
		Hồ Sỹ Hùng	2124010026	Quản trị Marketing - Truyền thông A K66 (DCKTKD66_05A)	
144	Đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố có liên quan đến hiện tượng trầm cảm, lo âu tress trong học tập của sinh sinh viên trường đại học Mỏ - Địa chất hiện nay	Vũ Thị Ngọc Ánh	2124011448	Quản trị Thương mại điện tử F K66 (DCKTKD66_04F)	Phan Thị Thùy Linh
		Phạm Thị Hồng Lưu	2124011442	Quản trị Thương mại điện tử F K66 (DCKTKD66_04F)	
		Trần Thị Ly	2124011280	Quản trị Thương mại điện tử F K66 (DCKTKD66_04F)	
		Phan Hà My	2124011057	Quản trị Thương mại điện tử E K66 (DCKTKD66_04E)	
		Lê Thị Huyền Trang	2124011458	Quản trị Thương mại điện tử F K66 (DCKTKD66_04F)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
145	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn sàn thương mại điện tử trong mua sắm trực tuyến của sinh viên - nghiên cứu trường hợp sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Nguyễn Thị Hồng Hoa	2024010991	Quản trị Thương mại điện tử A K65 (DCKTKDTM65A)	Nguyễn Thị Hường
		Nguyễn Thị Hương	2024012242	Quản trị Thương mại điện tử C K65 (DCKTKDTM65C)	
		Bùi Thị Ngọc Ánh	2024010883	Quản trị Thương mại điện tử A K65 (DCKTKDTM65A)	
		Hồ Gia Huy	2024011765	Quản trị Thương mại điện tử A K65 (DCKTKDTM65A)	
146	Thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc đảm bảo quyền của người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam hiện nay	Trần Thị Thùy Linh	868879596	Quản trị thương mại điện tử A K67 (DCKTKD67_04A)	Nguyễn Thị Ngọc Anh
		Vũ Thị Linh Chi	338442004	Quản trị kinh doanh B K67 (DCKTKD67_01B)	
		Đỗ Bích Ngọc	377691894	Quản trị kinh doanh B K67 (DCKTKD67_01B)	
		Lê Thị Trà My	388683517	Quản trị Thương mại điện tử B K67 (DCKTKD67_04B)	
		Nguyễn Thị Phương Thảo	862672553	Quản trị thương mại điện tử A K67 (DCKTKD67_04A)	
147	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ Ký túc xá tại trường Đại học Mỏ-Địa chất	Nguyễn Thu Trang	2224010647	Quản trị Marketing - Truyền thông C K67 (DCKTKD67_05C)	Phạm Thu Trang
		Ngô Anh Khánh Linh	2224010649	Quản trị Marketing - Truyền thông A K67 (DCKTKD67_05A)	
		Nguyễn Thu Hiền	2224011012	Quản trị thương mại điện tử C K67 (DCKTKD67_04C)	
		Hoàng Ngọc Bảo	2224010468	Quản trị kinh doanh A K67 (DCKTKD67_01A)	
		Dương Thị Phương Thảo	2224040266	Quản trị thương mại điện tử B K67 (DCKTKD67_04B)	
148	Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên khi mua quần áo trên sàn thương mai điện tử	Lê Thị Như Quỳnh	2124010968	Kế toán C2 K66 (DCKTKT66C2)	Nguyễn Thanh Thảo
		Nguyễn Thị Thơm	2124010923	Kế toán C2 K66 (DCKTKT66C2)	
		Hoàng Thu Trang	2124010995	Kế toán C2 K66 (DCKTKT66C2)	
		Đặng Ngọc Mai	2124010995	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C1)	
		Đỗ Thị Thắm	2124012236	Tài chính - Ngân hàng B2 K66 (DCKTTN66B2)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
149	Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông nội bộ của Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí (PVEP)	Đặng Thị Nguyệt Nga	2124010396	Tài chính - Ngân hàng A2 K66 (DCKTTN66A2)	Nguyễn Thị Hồng Loan
		Nguyễn Thảo Nguyên	2124010247	Tài chính - Ngân hàng A1 K66 (DCKTTN66A1)	
		Dương Thu Ngân	2124010053	Tài chính - Ngân hàng A1 K66 (DCKTTN66A1)	
		Dương Đông Sơn	2124010219	Tài chính - Ngân hàng A1 K66 (DCKTTN66A1)	
		Trần Thảo Linh	2124010412	Tài chính - Ngân hàng A2 K66 (DCKTTN66A2)	
150	Nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng tùy chọn thanh toán Buy Now Pay Later của sinh viên, nghiên cứu đối với sinh viên trường ĐH Mỏ - Địa chất	Trần Văn Nhật	2224010152	Quản trị thương mại điện tử D K67 (DCKTKD67_04D)	Nguyễn Thị Hồng Loan
		Nguyễn Nữ Minh Ánh	2224010627	Quản trị kinh doanh B K67 (DCKTKD67_01B)	
		Nguyễn Ngọc Ánh	2224010708	Quản trị thương mại điện tử A K67 (DCKTKD67_04A)	
		Đới Thanh Lâm	2224010963	Quản trị thương mại điện tử A K67 (DCKTKD67_04A)	
		Thái Thị Huyền	2124011712	Quản trị Thương mại điện tử C K66 (DCKTKD66_04C)	
151	Vận dụng mô hình kinh tế lượng trong nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới xuất khẩu cà phê của Việt Nam	Nguyễn Thu Trang	2124011444	Tài chính - Ngân hàng B2 K66 (DCKTTN66B2)	Vũ Diệp Anh
		.Kiều Thị Hồng Ánh	2124011325	Tài chính - Ngân hàng B2 K66 (DCKTTN66B2)	
		Nguyễn Thị Thanh Chúc	2124011427	Tài chính - Ngân hàng B2 K66 (DCKTTN66B2)	
		Chu Lan Anh	2124010947	Tài chính - Ngân hàng B1 K66 (DCKTTN66B1)	
		Đỗ Đức Tấn	2124011080	Tài chính - Ngân hàng B2 K66 (DCKTTN66B2)	
152	Phát triển kỹ năng chinh phục nhà tuyển dụng của sinh viên, phân tích điển hình với sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất	Trần Thị Cúc	2124010800	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66_01C)	Nguyễn Thanh Thảo
		Phạm Thị Lợi	2124010792	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66_01C)	
		Nguyễn Văn Hiếu	2124011491	Quản trị kinh doanh C K66 (DCKTKD66_01C)	
		Nguyễn Thị Thoan	2124010761	Quản trị Thương mại điện tử B K66 (DCKTKD66_04B)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
153	Chính sách thuế tài sản tại Việt Nam: Thực trạng và kiến nghị	Vũ Nhật Hương	2124011590	Kế toán E2 K66 (DCKTKT66E2)	Nguyễn Thị Kim Oanh
		Phạm Phương Mai	2124010084	Kế toán A1 K66 (DCKTKT66A1)	
		Hà Thị Trang	2124011678	Kế toán E2 K66 (DCKTKT66E2)	
		Vũ Hoàng Hải	2124011706	Kế toán E2 K66 (DCKTKT66E2)	
		Đinh Thị Tố Uyên	2124010825	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C1)	
154	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến năng lực số của sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất	Tống Thị Vân	2224010772	Kế toán B2 K67 (DCKTKT67B2)	Nguyễn Tiến Hưng
		Dương Yến Nhi	2224010420	Kế toán B2 K67 (DCKTKT67B2)	
		Đỗ Thị Hương	2224010893	Kế toán B1 K67 (DCKTKT67B1)	
		Trương Phương Hoa	2224010110	Kế toán B1 K67 (DCKTKT67B1)	
155	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo hướng quản trị rủi ro tại công ty than Khe Chàm - TKV	Nguyễn Thị Thùy Linh (nhóm trưởng)	2124010855	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C)	Nguyễn Thị Minh Thu
		Trịnh Thị Hải Yến	2124010784	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C)	
		Trịnh Hà Thu Trang	2124010830	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C)	
		Nguyễn Thuỳ Trang	2124010720	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C)	
156	Nghiên cứu về chu kỳ chuyển đổi tiền mặt tại các công ty cổ phần khai thác than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2124010897	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	Dương Thị Nhàn
		Nguyễn Thu Phương	2124010874	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
		Nguyễn Văn Quang	2124010868	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
		Nguyễn Thị Quỳnh Tâm	2124010925	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
		Hoàng Thị Thu An	2124010901	Quản trị Thương mại điện tử H K66 (DCKTKD66_04H)	
157	Nghiên cứu tài chính xanh ở Việt Nam: Thực tiễn và kiến nghị	Đỗ Thị Thu Thủy	2124010114	Tài chính - Ngân hàng A1 K66 (DCKTTN66A1)	Lưu Thị Thu Hà
		Nguyễn Thị Thắng	2124010020	Tài chính - Ngân hàng A1 K66 (DCKTTN66A1)	
		Ngô Thị Diệu Linh	2124010134	Tài chính - Ngân hàng A1 K66 (DCKTTN66A1)	
		Trịnh Thị Thu	2124010304	Tài chính - Ngân hàng A2 K66 (DCKTTN66A2)	
		Đoàn Quang Thành	2124010514	Tài chính - Ngân hàng A2 K66 (DCKTTN66A2)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
158	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên ngành kế toán của các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Nguyễn Thu Phương	2124011286	Kế toán D2 K66 (DCKTKT66D2)	Phan Minh Quang
		Nguyễn Thị Ngọc Lan	2124011420	Kế toán D2 K66 (DCKTKT66D2)	
		Nguyễn Thu Huệ	2124011232	Kế toán D2 K66 (DCKTKT66D2)	
		Trần Thanh Hiền	2124011439	Kế toán D2 K66 (DCKTKT66D2)	
159	Nghiên cứu chính sách phân phối lợi nhuận trong công ty cổ phần tại Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Huyền	2124010272	Kế toán A2 K66 (DCKTKT66A2)	Phí Thị Kim Thư
		Nguyễn Thị Thương	2024011634	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	
		Vũ Thị Hằng	2024010218	Kế toán A1 K65 (DCKTKT65_A1)	
		Nguyễn Duy Hậu	2124011265	Quản trị Thương mại điện tử F K66 (DCKTKD66_04F)	
		Nguyễn Ngân Hà	2124011137	Quản trị Thương mại điện tử A K66 (DCKTKD66_04A)	
160	Tìm hiểu hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong điều kiện thực thi EVFTA	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2124010885	Tài chính - Ngân hàng B1 K66 (DCKTTN66B1)	Lê Thị Thu Hồng
		Bùi Thị Phương	2124010803	Tài chính - Ngân hàng B1 K66 (DCKTTN66B1)	
		Nguyễn Thuỳ Dương	2124010725	Tài chính - Ngân hàng B1 K66 (DCKTTN66B1)	
		Phan Ngọc Thanh	2124010685	Tài chính - Ngân hàng B1 K66 (DCKTTN66B1)	
		Đỗ Thị Mai Phương	2124011534	Kế toán E1 K66 (DCKTKT66E1)	
161	Tìm hiểu chính sách tài chính và nhân lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	Nguyễn Hà Anh	2124010485	Kế toán B1 K66 (DCKTKT66B1)	Phạm Thu Hương
		Khúc Ngọc Phúc	2124010365	Kế toán B1 K66 (DCKTKT66B1)	
		Trịnh Nguyễn Thu Phương	2124010027	Kế toán A1 K66 (DCKTKT66A1)	
		Nguyễn Thái Hà	2124010012	Kế toán A1 K66 (DCKTKT66A1)	
162	Thực trạng và giải pháp cho kỹ năng giao tiếp của thế hệ trẻ và sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất trong giai đoạn ảnh hưởng của mạng xã hội ngày nay.	Vũ Minh Tuấn	2224010055	Tài chính - Ngân hàng C K67 (DCKTTN67C)	Phạm Thị Hồng Hạnh
		Dương Tuấn Dũng	2224010938	Tài chính - Ngân hàng C K67 (DCKTTN67C)	
		Bùi Văn Đức	2224010971	Tài chính - Ngân hàng C K67 (DCKTTN67C)	
		Ngô Văn Việt	2224010219	Tài chính - Ngân hàng C K67 (DCKTTN67C)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
163	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nơi làm việc của sinh viên ngành Kế toán sau tốt nghiệp của Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Nguyễn Thị Huyền Thương	2124010744	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C1)	Phan Minh Quang
		Trần Thị Thảo	2124010729	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C1)	
		Nguyễn Hồng Ngọc	2124010937	Kế toán C2 K66 (DCKTKT66C2)	
164	Hoàn thiện kế toán quản trị doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Vũ Thị Thu Hường	2024011801	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	Nguyễn Thị Huyền Trang
		Đường Thị Phương Nhung	2024011681	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	
		Đỗ Thị Phương	2024012140	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	
		Bùi Thị Duyên	22024012025	Kế toán B1 K65 (DCKTKT65_B1)	
165	Tăng cường thực hành ESG của một số doanh nghiệp tại Việt Nam	Nguyễn Ninh Thu	2124010033	Kế toán A1 K66 (DCKTKT66A1)	Hoàng Thị Thủy
		Nguyễn Minh Anh	2124010333	Kế toán A2 K66 (DCKTKT66A2)	
		Phạm Thị Lan	2124010125	Kế toán A1 K66 (DCKTKT66A1)	
		Cao Thị Minh Nguyệt	2124010066	Kế toán A1 K66 (DCKTKT66A1)	
		Đỗ Thu Thủy	2124010854	Kế toán C1 K66 (DCKTKT66C1)	
166	Tìm hiểu cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	Bùi Thị Mai Phương	2224010888	Tài chính - Ngân hàng B K67 (DCKTTN67B)	Nguyễn Thị Kim Liên
		Trần Thu Ngân	2224010142	Tài chính - Ngân hàng C K67 (DCKTTN67C)	
		Bùi Ngọc Anh	2224010291	Tài chính - Ngân hàng B K67 (DCKTTN67B)	
		Vũ Bảo Thắng	2224010121	Tài chính - Ngân hàng A K67 (DCKTTN67A)	
		Nguyễn Đức Thái Bình	2224010465	Tài chính - Ngân hàng A K67 (DCKTTN67A)	
167	Nghiên cứu đề xuất giải pháp chống bụi bằng hệ thống hút bụi dạng ướt cho Công ty than Khe Chàm- TKV	Đỗ Anh Quân	2121040017	Khai thác mỏ K66	Đào Văn Chi
		Đinh Hải Du	2121040057	Khai thác mỏ K66	
		Vũ Đình Thiện	2121040008	Khai thác mỏ K66	
		Nguyễn Quang Duy	2121040026	Khai thác mỏ K66	
168	Nghiên cứu hiện tượng vách treo khó sập đổ trong khai thác mỏ than hầm lò vùng Quảng Ninh	Nguyễn Khánh Duy	2121040027	Khai thác mỏ K66	Lê Tiến Dũng
		Trần Văn Tú	2121040012	Khai thác mỏ K66	
		Phạm Đình Tuấn	2121040022	Kĩ thuật mỏ K66	
169	"Nghiên cứu, lựa chọn phương pháp làm giảm nồng độ bụi khikhai thác, vận tải than trong mỏ hầm lò tại công ty than Nam Mẫu – TKV".	Nguyễn Trung Kiên	2121060389	Khai thác Mỏ K66	Nguyễn Hồng Cường
		Trần Văn Tấn	2121040005	Khai thác mỏ K66	
		Vũ Tuấn Linh	2121040034	Khai thác Mỏ K66	
		Mai Quý Lượng	2121040032	Khai thác mỏ K66	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
170	Nghiên cứu, xác định phạm vi phân bố áp lực tựa phía dưới trụ than trong trường hợp khai thác vỉa than gần nhau, dốc thoải tại Công ty than Thống Nhất - TKV	Nguyễn Thanh Hiền	2121040009	Khai thác mỏ K66	Lê Quang Phục
		Nguyễn Phi Hùng	2121040028	Khai thác mỏ K66	
		Lê Hoàng Kha	2121040006	Khai thác mỏ K66	
		Phạm Quang Minh	2121040051	Khai thác mỏ K66	
171	Nghiên cứu, đề xuất giải khai thác hợp lý đảm bảo an toàn công trình trên mặt và giảm thiểu tổn thất tài nguyên Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	Chu Sơn Tùng	2021040006	Khai thác K65	Phạm Đức Hưng
		Lưu Công Định	2021060301	Khai thác K65	
		Phạm Tuấn Minh	2021040024	Khai thác K65	
172	Nghiên cứu giải pháp điều khiển đá vách ban đầu hợp lý cho điều kiện lò chợ khu Nam Khe Tam tại Công ty 35-Tổng Công ty Đông Bắc	Nguyễn Hoàng Thành	2121040030	Khai thác K66	Vũ Trung Tiến
		Ngô Quang Hải	2121040038	Khai thác K66	
		Phạm Hoàng Diệp	2121040020	Khai thác K66	
		Nguyễn Đức Thắng	2121040018	Khai thác K66	
		Phạm Đặng Thanh Lâm	2121040007	Khai thác K66	
173	Đề xuất giải pháp công nghệ đào lò thượng mức -240/-310 khu IV vỉa 10 Công ty cổ phần than Núi Béo-Vinacomin	Bùi Trung Hiếu	2021040045	Khai thác K65	Nguyễn Cao Khải
		Nguyễn Sỹ Nam	2021040033	Khai thác K65	
		Đỗ Trọng Nghĩa	2021040109	Khai thác K65	
		Phạm Công Trìu	2021040034	Khai thác K65	
174	Nghiên cứu đề xuất công nghệ khai thác hợp lý cho điều kiện vỉa dầy thuộc khoáng sàng than Hà Lầm.	Trần Mai Linh	2021040103	Khai thác K65	Bùi Mạnh Tùng
		Nguyễn Quang Huy	2021040102	Khai thác K65	
		Phạm Việt Hoàng	2021040015	Khai thác K65	
		Phạm Anh Tuấn	2021040027	Khai thác K65	
175	Nghiên cứu giảm thiểu ảnh hưởng của bệnh nhiễm bụi phổi silic nghề nghiệp tại một số cơ sở khai thác và chế biến đá ở Việt Nam.	Nguyễn Trà My	2221040060	An toàn, vệ sinh lao động K67	Đỗ Ngọc Hoàn
		Phạm Minh Hiếu	2221040001	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Lê Phương Dung	2221040026	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Đoàn Thị Nhung	2221040049	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Phạm Thị Bích Ngọc	2221040051	An toàn, vệ sinh lao động K67	
176	Nghiên cứu mức độ ô nhiễm phóng xạ do hoạt động khai thác titan sa khoáng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	Phùng Phương Đông	2021040068	Khai thác K65	Lê Quí Thảo
		Hồ Thị Ánh Ngọc	2221040061	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Nguyễn Duy Anh	2221040007	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Hồ Anh Dũng	2121040010	Khai thác k66	
177	Nghiên cứu, đề xuất quy trình công nghệ khai thác hợp lý cho điều kiên phân bố khoáng sàng bauxit tại mỏ Tây Tân Rai - Lâm Đồng.	Bùi Trung Mạnh	2021040105	Khai thác K65	Nguyễn Anh Tuấn
		Nguyễn Anh Quốc	2021040116	Khai thác K65	
		Ketsaphonthong DOUANGMYXA	2021040001L	Khai thác K65	
		Giáp Thành Đạt	2121040031	Khai thác k66	
178	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động cho các đơn vị khai thác mỏ sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn Bắc Trung Bộ.	Nguyễn Thanh Phong	2021040048	Khai thác K65	Nguyễn Đình An
		Phạm Khắc Thái	2021040031	Khai thác K65	
		Trần Đình Văn	2021040049	Khai thác K65	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
179	Nghiên cứu đánh giá mối liên hệ giữa áp lực nước ngầm với độ ổn định bờ mỏ trong các tầng đất đá khác nhau nhằm đảm bảo an toàn cho bờ mỏ trên các mỏ lộ thiên Việt Nam.	Đào Quang An	2121040036	Khai thác K66	Nguyễn Hoàng
		Huỳnh Bảo Minh	2121040025	Khai thác K66	
		Phạm Quang Minh	2121040051	Khai thác K66	
		Hoàng Quốc Tú	2121040054	Khai thác K66	
		Phạm Đình Tuấn	2121040022	Khai thác K66	
180	Nghiên cứu đánh giá độ chính xác của phương pháp đo kích thước cỡ hạt đá sử dụng ảnh UAV ở quy mô phòng thí nghiệm	Nguyễn Việt Dũng	2021040095	Khai thác K65	Phạm Văn Hòa
		Đinh Quang Tùng	2021040123	Khai thác K65	
		Trần Văn Long	2221040054	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Đoàn Thị Nhung	2221040049	An toàn, vệ sinh lao động K67	
181	Nghiên cứu mô phỏng số trong kiểm soát ổn định bờ mỏ khu IV mỏ than Nam Tràng Bạch	Nguyễn Đặng Khánh Duy	2021040017	Khai thác K65	Phạm Văn Việt
		Trần Văn Hơn	2021040099	Khai thác K65	
		XEUATVONGSA Channakhon	2021020003L	Khai thác K65	
		Phạm Thị Bích Ngọc	2221040051	An toàn, vệ sinh lao động K67	
182	Nghiên cứu xây dựng sổ tay "An toàn và sức khỏe cho các mỏ lộ thiên vừa và nhỏ"	Hoàng Đình Nam	2021040137	Khai thác K65	Trần Đình Bão
		Nguyễn Ngọc Lộc	2021040052	Khai thác K65	
		Lưu Công Định	2021060301	Khai thác K65	
		XAIYACHAK Lanling	2021020005L	Khai thác K65	
183	Nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn từ các vụ nổ mìn đến sức khỏe người lao động.	Phan Lương Khánh Ly	2221040072	An toàn, vệ sinh lao động K67	Trần Quang Hiếu
		Nguyễn Thị Khánh Trang	2221040034	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Trịnh Việt Anh	2221040063	An toàn, vệ sinh lao động K67	
		Nguyễn Văn Dũng	2121040035	Khai thác k66	
		Trần Đức Toàn	2121040004	Khai thác k66	
184	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số công nghệ lọc tăng áp đến hiệu quả khử nước một số sản phẩm tuyển.	Nguyễn Kim Chi	2121040016	Tuyển khoáng K66	Phạm Thanh Hải
		Nguyễn Văn Hợp	2221040021	Tuyển khoáng K67	
		Vũ Cẩm Tú	2221040011	Tuyển khoáng K67	
185	Nghiên cứu độ mịn nghiền tối ưu của quá trình tuyển nổi mẫu xỉ đồng- Nhà máy luyện đồng Lào Cai	Hoàng Đức Toàn	2021040129	Tuyển Khoáng K65	Vũ Thị Chinh
		Nguyễn Sỹ Việt	2021040043	Tuyển Khoáng K65	
		Tạ Phương Anh	1921040019	Tuyển khoáng K64	
186	Nghiên cứu khả năng thu hồi đồng từ bãi thải quặng đuôi của nhà máy tuyển đồng Tả Phời	Trần Trung Đức	2021040041	Tuyển Khoáng K65	Phạm Thị Nhung
		Phạm Hoàng Giang	2221040038	Tuyển khoáng K67	
		Trần Thị Thu Hương	2221040048	Tuyển khoáng K67	
187	Nghiên cứu thành phần vật chất và đánh giá khả năng ứng dụng đuôi thải tuyển đồng của Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai làm vật liệu xây dựng.	Vũ Thanh Tùng	2121040021	Tuyển khoáng K66	Phùng Tiến Thuật
		Nguyễn Trần Danh Tuyền	2221040031	Tuyển khoáng K67	
		Trịnh Thế Phong	2221040037	Tuyển khoáng K67	
188	Nghiên cứu thu hồi than từ bụi tro bay của nhà máy nhiệt điện bằng thiết bị tuyển nổi cơ giới truyền thống.	Đặng Thị Thu Phương	2221040003	Tuyển khoáng K67	Trần Văn Được
		Lê Sỹ Hùng	2221040006	Tuyển khoáng K67	
		Nguyễn Quang Lân	2221040010	Tuyển khoáng K67	
189	Nghiên cứu lựa chọn dung môi hòa tách chọn lọc bismut trong bụi lò luyện đồng I, Lào Cai	Ngô Văn Định	2021040047	Tuyển khoáng K65	Trần Trung Tới
		Vũ Việt Hưng	2021040051	Tuyển khoáng K65	
		Lã Thị Chính	1921040029	Tuyển khoáng K64	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
190	Đánh giá đặc điểm nguồn nước xả thải vào sông Phó Đáy và khả năng tiếp nhận nước thải của sông	Lê Cao Nguyên	2221080070	Kỹ thuật môi trường K67 (DCMTKT67)	Đỗ Thị Hải
		Lương Ngọc Hiếu	2221080087	Kỹ thuật môi trường K67 (DCMTKT67)	
		Nguyễn Hà Giang	2221080086	Kỹ thuật môi trường K67 (DCMTKT67)	
		Đỗ Nhật Anh	2221080092	Kỹ thuật môi trường K67 (DCMTKT67)	
		Nguyễn Tiến Tài	2221080045	Kỹ thuật môi trường K67 (DCMTKT67)	
191	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của khí phóng xạ radon (222Rn; 220Rn) đến môi trường khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai	Trần Thị Phương Linh	2121080049	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	Nguyễn Văn Dũng
		Bùi Thị Như Quỳnh	2121080044	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	
		Tạ Đức Thịnh	2121010038	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	
192	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của bãi thải khai thác, chế biến quặng đồng đến môi trường khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Thị Thúy Hiền	2121080056	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	Nguyễn Văn Dũng
		Phạm Văn Hậu	2121080026	Quản lý tài nguyên &môi trường K66 (DCMTQL66)	
		Lò Văn Bóng	2121090024	Quản lý tài nguyên &môi trường K66 (DCMTQL66)	
		Trần Thị Lan Anh	2121080027	Quản lý tài nguyên &môi trường K66 (DCMTQL66)	
		Lê Ngọc Minh	1050120024	10ĐH_QLTN1 (ĐH Tài nguyên và môi trường TP HCM)	
		Vũ Duy Hoàng	2121080018	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	
193	Nghiên cứu đánh giá phát thải bụi TSP và đề xuất một số giải pháp quản lý nâng cao chất lượng môi trường không khí tại khu vực khai thác quặng apatit, tỉnh Lào Cai	Lê Nguyễn Phương Thảo	2221080020	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	Nguyễn Thị Cúc
		Nguyễn Quốc Việt	2221080015	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
		Nguyễn Thị Minh Trang	2221080031	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
		Phạm Thị Thu Hằng	2221080022	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
194	Nghiên cứu ứng dụng các mô hình học máy để dự báo chất lượng nước mặt trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.	Vũ Thế Anh	2121080028	Kỹ thuật môi trường K66 (DCMTKT66)	Nguyễn Thị Hồng
		Nguyễn Tiến Dũng	2221080042	Kỹ thuật môi trường K67 (DCMTKT67)	
		Đào Thành Đạt	2121050640	Hệ thống thông tin K66 (DCCTCT66_09C)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
195	Nghiên cứu thực hành kinh tế tuần hoàn trong ngành than: Ứng dụng tại mỏ Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.	Phùng Hiểu Việt	2121080029	Kỹ thuật môi trường K66 (DCMTKT66)	Đào Trung Thành
		Nguyễn Văn Hiệp	2021080066	Kỹ thuật môi trường K65 (DCMTKT65)	
		Trần Tuấn Linh	2221060342	Tự động hóa K67 (DCCDTD67A)	
196	Nghiên cứu chất lượng đất của một vài loại hình rừng sản xuất ở một số vùng đất dốc của tỉnh Bắc Kạn.	Nguyễn Thùy Trang	2121080023	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	Vũ Thị Phương Thảo
		Nguyễn Châm Anh	2121080047	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	
		Kiều Thị Mai Anh	2121080046	Quản lý tài nguyên & môi trường K66 (DCMTQL66)	
197	Nghiên cứu đánh giá tổn thương do tai biến trượt lở đến người dân tại Hà Quảng – Hòa An tỉnh Cao Bằng	Nguyễn Kiều Trang	2221080062	Quản lý tài nguyên môi trường K67 (DCMTQL67)	Phan Thị Mai Hoa
		Nguyễn Hoàng Long	2221080032	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
		Nguyễn Thị Minh Khánh	2221080043	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
		Lâm Hồng Vân	2221080072	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
		Nguyễn Thị Khánh Linh	2221080056	Quản lý tài nguyên môi trường K67 (DCMTQL67)	
198	Ứng dụng phương pháp phân cụm không gian (spatial scan statistics) khoanh vùng nguy cơ xảy ra tai biến môi trường khu vực Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.	Phương Thị Ngọc	2221080034	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	Nguyễn Quốc Phi
		Lê Thị Vân Anh	2221080044	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
		Lê Quang Minh	2221080051	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
		Tòng Nhật Minh	2221080063	Quản lý tài nguyên & môi trường K67 (DCMTQL67)	
199	Đề tài nghiên cứu KHSV: Ứng dụng lập trình python trong tự động hóa một số quy trình phân tích dữ liệu không gian phục vụ đánh giá rủi ro thiên tai.	Nguyễn Thị Thu Hiền	2021030328	Địa tin học K65 (DCTDDH65)	Dương Anh Quân
		Nguyễn Xuân Tú	2021030002	Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ K65 (DCTDTD65)	
		Hoàng Mạnh Khải	2121030217	Địa tin học K66 (DCTDDH66)	
200	Nghiên cứu quy trình bay chụp bằng thiết bị bay không người lái DJI Marvic 3 Multispectral trong công tác thanh lập bản đồ.	Nguyễn Quốc Việt	2221030005	Trắc địa bản đồ K67 (DCTDTD67_06)	Nguyễn Danh Đức
		Lương Thị Anh Thư	2221030045	Trắc địa bản đồ K67 (DCTDTD67_06)	
		Nguyễn Thị Minh Hiền	2221030101	Địa tin học K67 (DCTDDH67)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
201	Nghiên cứu ứng dụng viễn thám - gis trong thành lập bản đồ khả năng phát sinh rác thải nhựa từ đất liền ra biển	Đỗ Khánh Linh	2221030092	Trắc địa bản đồ K67 (DCTDTD67_06)	Đỗ Thị Phương Thảo
		Đào Thị Thu Hoài	2221030138	Trắc địa K67 (DCTDTD67_01)	
		Đinh Quang Hải	2221030088	Trắc địa K67 (DCTDTD67_01)	
		Nguyễn Bảo Hiếu	2221030067	Trắc địa K67 (DCTDTD67_01)	
		Cao Ngọc Hoàng	2221030204	Trắc địa K67 (DCTDTD67_01)	
202	Đánh giá tác động của dự thảo luật đất đai 2023 lên thị trường bất động sản thành phố Hà Nội.	Vũ Đan Trường	2121030140	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	Nguyễn Thị Dung
		Phạm Minh Đăng	2121030202	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
		Lê Minh Đức	2121030146	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
203	Công tác thu thập dữ liệu địa tin học trên thiết bị di động sử dụng trạm CORS đặt tại trường ĐH Mỏ - Địa chất	Nguyễn Trí Anh Khoa	2221030009	Địa tin học K67 (DCTDDH67)	Trần Trung Anh
		Đỗ Thanh Dung	2221030216	Địa tin học K67 (DCTDDH67)	
		Nguyễn Tuấn Dũng	2221030017	Địa tin học K67 (DCTDDH67)	
		Đào Viết Tuyên	2221030099	Địa tin học K67 (DCTDDH67)	
		Phạm Việt Anh Trung	2221030105	Địa tin học K67 (DCTDDH67)	
204	Xác định biến động đường bờ biển bằng công nghệ địa tin học	Hoàng Mạnh Khải	2121030217	Địa tin học K66 (DCTDDH66)	Lê Thanh Nghị
		Phạm Công An	2021030257	Địa tin học K65 (DCTDDH65)	
		Nguyễn Trung Đức	2121030031	Địa tin học K66 (DCTDDH66)	
205	Ứng dụng công nghệ GNSS RTK trong tự động hóa công tác san ủi công trình	Ngô Thị Ánh Quỳnh	2221030120	Quản lý đất đai 67B (DCTDQD67B)	Dương Thành Trung
		Phạm Hương Giang	2221030160	Quản lý đất đai 67B (DCTDQD67B)	
		Lê Kỳ Linh	2221030177	Quản lý đất đai 67B (DCTDQD67B)	
		Trần Hồng Oanh	2221030133	Quản lý đất đai 67B (DCTDQD67B)	
		Vũ Minh Quân	2221030247	Quản lý đất đai 67B (DCTDQD67B)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
206	Nghiên cứu lập chương trình giám sát thiết bị môi trường trong quản lý đô thị	Chu Thị Thu Huyền	2221030201	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	Nguyễn Việt Hà
		Đỗ Thị Bích Phương	2221030113	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
		Nguyễn Nam Trường	2221030011	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
		Quách Hà Ngân	2221030263	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
		Hồ Thị Kim	2221030121	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
207	Ứng dụng GIS phục vụ quản lý dữ liệu địa chính tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà	Lưu Trần Việt Cường	2021010188	Địa tin học K65 (DCTDDH65)	Nguyễn Thị Kim Thanh
208	Nghiên cứu sử dụng phương pháp học máy trong trích xuất dữ liệu từ ảnh UAV phục vụ công tác quản lý đô thị	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	2221030231	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	Phạm Trung Dũng
		Nguyễn Hoàng Xuân Nhi	2221030077	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
		Phan Anh Thư	2221030191	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
		Nguyễn Thị Thanh Xuân	2221030222	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
		Vũ Quang Vinh	2221030032	QLPT đô thị và Bất động sản K67 (DCTDQDTBD67)	
209	Nghiên cứu đánh giá kết quả bay chụp ảnh địa hình bằng kỹ thuật RTK sử dụng mạng lưới trạm quan trắc thường trực VN-GEONET	Nguyễn Phương Linh	1921030109	Địa tin học K64 (DCTDDH64)	Phạm Ngọc Quang
		Phạm Thái Thiện	2121030091	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
210	Hồ sơ địa chính và quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa chinh	Nguyễn Thị Phương Thảo	2221030035	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	Phạm Thị Kim Thoa
		Nguyễn Văn Nhật	2221030103	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	
		Nguyễn Tiến Hùng	2221030118	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	
		Nguyễn Gia Trường	2221030155	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	
		Nguyễn Thanh Huyền	2221030144	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	
211	Ứng dụng phương pháp thẩm định tài chính đánh giá hiệu quả dự án đầu tư bất động sản	Nguyễn Võ Bảo	1921030076	Quản lý đất đai K64 (DCTDQD64)	Phạm Thị Kim Thoa
		Trần Đức Kiên	22121030194	Quản lý đất đai K66 (DCTDQD66A1)	
		Nguyễn Phùng Hưng	2121030007	Quản lý đất đai K66 (DCTDQD66A1)	
		Phạm Trung Đức	2121030049	Quản lý đất đai K66 (DCTDQD66A1)	
		Nguyễn Bảo Quân	2121030061	Quản lý đất đai K66 (DCTDQD66A1)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
212	Tìm hiểu một số mô hình cảnh báo bệnh hô hấp có ứng dụng GIS	Nguyễn Tiến Hoàng	2121030098	Trắc Địa K66_01 (DCTDTD66_01)	Trần Thị Tuyết Vinh
		Lê Văn Hà	2121030062	Trắc Địa K66_01 (DCTDTD66_01)	
213	Dự báo lún bề mặt sử dụng phương pháp mạng nơ-ron nhân tạo	Hà Diệu Anh	2121030102	Trắc địa 66_06 (DCTDTD66_06)	Nguyễn Quốc Long
		Phạm Thị Thu Hà		Trắc địa 66_06 (DCTDTD66_06)	
		Tạ Quang Vinh	2121030079	Trắc địa 66_06 (DCTDTD66_06)	
214	Tìm hiểu thị trường bất động sản trên địa bàn quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Phạm Trà Mỹ Duyên	2221030179	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	Đặng Thị Hoàng Nga
		Phạm Mai Linh	2221030214	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	
		Phí Đỗ Thảo Nguyên	2221030111	Quản lý đất đai C K67 (DCTDQD67C)	
		Nguyễn Đình Thao	2221030187	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	
		Vũ Đức Hùng	2221030080	Quản lý đất đai A K67 (DCTDQD67A)	
215	Nghiên Cứu Tiềm Năng, Lợi Nhuận Loại Hình Bất Bất Động Sản Cho Thuê Khu Vực Bắc Từ Liêm	Mai Cao Cung	2121030141	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	Đặng Thị Hoàng Nga
		Đoàn Xuân Thành	2121030105	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
		Hà Thùy Linh	2321030206	Quản lý đất đai A K68 (DCTDQD68A)	
		Nguyễn Xuân Hiếu	2121030122	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
216	Nghiên cứu công nghệ địa không gian trong đánh giá tổn thương do biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch	Lê Văn Hà	2121030062	Trắc Địa K66_01 (DCTDTD66_01)	Nguyễn Văn Trung
		Vũ Văn Thiết	2221030159	Địa tin học K67 (DCTDDH67)	
217	Nghiên cứu quy trình xây dựng bản đồ dự báo nguy cơ cháy rừng từ dữ liệu viễn thám và hệ thông tin địa lý	Ngô Thị Diệu Thư	2021030302	Địa tin học K65 (DCTDDH65)	Đoàn Thị Nam Phương
		Phạm Thị Lan Anh	2021030252	Địa tin học K65 (DCTDDH65)	
		Lưu Trần Việt Cường	2021010188	Địa tin học K65 (DCTDDH65)	
218	Ứng dụng công nghệ GIS lập bản đồ giá đất phục vụ công tác GPMB cho tuyến đường thuộc khu vực....	Đỗ Thùy Linh	2121030204	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	Nguyễn Thị Hiền
		Vũ Hà Thu	2121030153	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
		Lê Thị Hương Trà	2121030037	Quản lý đất đai K66A1 (DCTDQD66A1)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
219	Ứng dụng phần mềm Gcadas tích hợp xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Lã Đình Bình	2121030154	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	Trần Đình Thành
		Nguyễn Anh Tuấn	2121030112	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
		Vũ Duy Phương	2121030179	Quản lý đất đai K66A2 (DCTDQD66A2)	
220	Ứng dụng viễn thám trong nghiên cứu biến động đường bờ	Nguyễn Xuân Tú	2021030002	Trắc địa - bản đồ K65 (DCTDTD65)	Phạm Thị Làn
		Phạm Công An	2021030257	Địa tin học K65 (DCTDDH65)	
		Nguyễn Tiến Hoàng	2121030098	Trắc địa K66 (DCTDTD66_01)	
221	Nghiên cứu phân tích tính toán nội lực trong vỏ hầm tuyến hầm metro số 1 thành phố Hồ Chí Minh Bến Thành – Suối Tiên	Từ Triều Nhật	2221070121	Quản lý xây dựng C K67 (DCXDQL67C)	Vũ Minh Ngạn
		Trần Thị Kim Phụng	2221070261	Quản lý xây dựng B K67 (DCXDQL67B)	
		Hoàng Gia Hải	2221070155	Quản lý xây dựng AK67 (DCXDQL67A)	
		Bùi Thị Huyền Phương	2221070225	Quản lý xây dựng B K67 (DCXDQL67B)	
222	Nghiên cứu tổng quan các công trình phòng hộ đảm bảo ổn định taluy nền đường giao thông.	Ngô Công Hùng	2221070105	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	Hoàng Đình Phúc
		Bùi Kim Đăng Khoa	2221070012	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	
		Lý Tuấn Đạt	2221070270	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	
223	Nghiên cứu lựa chọn giải pháp bảo vệ ổn định mái taluy dương nền đường giao thông.	Nguyễn Khắc Bắc	2221070242	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	Hoàng Đình Phúc
		Nguyễn Văn Huy	2221070103	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	
		Phí Mạnh Nam	2221070053	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	
224	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý không gian đô thị tại Hà Nội	Đỗ Vinh Quang Phúc	2221070227	Quản lý xây dựng K67C	Phạm Văn Hùng
		Nguyễn Minh Tú	2221070255	Quản lý xây dựng K67B	
		Vũ Văn Luyện	2221070257	Quản lý xây dựng K67B	
		Phan Thị Phương	2221070204	Quản lý xây dựng K67C	
225	Nghiên cứu sự ổn định của tường chắn trọng lực trên nền đất yếu	Nguyễn Vũ Sơn Tùng	2221070002	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K67	Phạm Văn Hùng
		Nguyễn Đình Quyền	2221070156	Xây dựng Công trình ngầm K67	
		Vũ Đình Tùng	2221070128	Xây dựng Công trình ngầm K67	
		Phan Văn Thắng	2221070004	Xây dựng Công trình ngầm K67	
		Nguyễn Quang Thái	2221070007	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp K67	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
226	Nghiên cứu đặc điểm, tính chất cơ lý của cát nghiền từ đá và công nghệ nghiền đá thành cát.	Trương Văn Cường	2121070081	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K66	Nguyễn Trọng Dũng
		Lưu Văn Cường	2121070068	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K66	
		Nguyễn Đức Hiệp	2121070013	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K66	
		Nguyễn Viết Trường Giang	2121070065	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K66	
		Nguyễn Vũ Huy	2121070022	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K66	
227	Đánh giá hiện trạng vấn đề phòng cháy, chữa cháy tại các khu nhà chung cư, tập thể cũ ở Hà Nội.	Nguyễn Đức Huy	2121070020	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K66	Đặng Quang Huy
		Tạ Thị Chang	2221070177	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K67	
		Nguyễn Văn Hiệp	2121070007	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K66	
228	Nghiên cứu một số phương pháp nâng cao khả năng kháng hóa lỏng của nền đất.	Dương Đình Tiến	2021070034	Xây dựng hạ tầng cơ sở K65 (DCXDHT65)	Đặng Quang Huy
		Phạm Quốc Diệp	2021040035	Xây dựng hạ tầng cơ sở K65 (DCXDHT65)	
		Nguyễn Đình Phú	2021070173	Xây dựng hạ tầng cơ sở K65 (DCXDHT65)	
		Trần Chiến Thắng	2021070141	Xây dựng hạ tầng cơ sở K65 (DCXDHT65)	
		Nguyễn Hữu Đoán	2021070060	Xây dựng hạ tầng cơ sở K65 (DCXDHT65)	
229	Nghiên cứu khả năng chế tạo bê tông có cường độ chịu nén trên 120 MPa tại Việt Nam	Lê Duy Phông	2121070031	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	Lê Huy Việt
		Ngô Tôn Hiếu	2221070046	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	
		Đỗ Mạnh Nam	2221070180	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	
		Ngô Trung Hiếu	2221070068	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	
230	Nghiên cứu đánh giá sự xuất hiện và phát triển vết nứt của bê tông cường độ cao sử dụng phương pháp không phá hủy.	Đỗ Ngọc Huy	1921070037	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	Lê Huy Việt
		Trình Văn Hiếu	2121070026	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	
		Lê Văn Long	2121070066	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	
		Lê Văn Trung	2221070109	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	
		Nguyễn Trung Kiên	2221070041	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
231	Nghiên cứu một số tính chất cơ lý của bê tông cường độ cao sử dụng hạt Carbon nano.	Đàm Anh Tuấn	2221070151	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	Đặng Văn Phi
		Mai Thanh Nga	2221070124	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	
		Nguyễn Thạc Vũ An	2221070018	Kỹ thuật xây dựng K67 (DCXDXD67)	
232	Nghiên cứu đánh giá khả năng bảo vệ cốt thép của bê tông cường độ cao chịu ảnh hưởng môi trường nước biển	Thiều Phụ Cường	2121070083	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	Ngô Xuân Hùng
		Phùng Thế Trịnh	2121070055	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	
		Nguyễn Tuấn Khang	2021070136	Kỹ thuật xây dựng K65 (DCXDDC65)	
		Trần Hữu Tuấn	2021070129	Kỹ thuật xây dựng K65 (DCXDDC65)	
233	Nghiên cứu xây dựng phương án ổn định mái dốc đào chiều cao lớn (30-50m) sử dụng kết cấu gia cố hỗn hợp	Ngô Tuấn Kiệt	2221070089	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	Bùi Văn Đức
		Nguyễn Phương Uyên	2221070096	Kỹ thuật xây dựng K66 (DCXDXD66)	
		Odonchimeg Ganjargal	2321070001M	Kỹ thuật xây dựng K68 (DCXDDC68)	
		Ganbat Lkhagvabayr	2321070002M	Kỹ thuật xây dựng K68 (DCXDDC68)	
234	Nghiên cứu tối ưu mô hình trí tuệ nhân tạo trong thi công đường hầm bằng phương pháp khoan nổ mìn để dự báo, tính toán diện tích gương hầm sau khi nổ mìn với độ chính xác cao	Hoàng Ngọc Tuấn	2021070049	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	Nguyễn Chí Thành
		Nguyễn Khoa Linh	2021070056	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	
		Nguyễn Danh Trường	2021070064	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	
235	Phân tích trạng thái ứng suất biến dạng của vỏ chống hai đường hầm song song trong đô thị	Phạm Văn Hùng	2021070174	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	Đỗ Ngọc Thái
		Hoàng Hải Anh	2021070156	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	
		Mã Văn Minh	2021070020	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	
236	Nghiên cứu tính toán ổn định mái dốc sân công nghiệp của Cụm công nghiệp Lăng Cao – Tân Yên – Bắc Giang	Mã Văn Minh	2021070020	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	Nguyễn Duyên Phong
		Nguyễn Khoa Linh	2021070056	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	
		Hoàng Ngọc Tuấn	2021070049	Xây dựng ngầm K65 (DCXDXN65)	
237	Nghiên cứu phương pháp xác định lượng thuốc nổ đơn vị (q) hợp lý khi thi công đường hầm bằng phương pháp khoan nổ mìn	Đoàn Công Huân	2221070240	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	Nguyễn Tài Tiến
		Đỗ Duy Đức	2221070220		
		Vũ Trung Kiên	2221070181	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
238	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật phù hợp trong xây dựng bãi đỗ xe ngầm khu vực Ga Hà Nội	Dương Quốc Đạt	2221070066	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	Đặng Văn Kiên
		Trần Quốc Trượng	2221070216		
		Dương Thị Thảo	2221070146	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	
239	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của công trình bề mặt đến độ ổn định của vỏ chống hầm metro tiết diện chữ nhật cong	Nguyễn Thiện Tiến	2221070203	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	Đặng Văn Kiên
		Nguyễn Huy Thành	2221070194		
		Nguyễn Trung Kiên	2221070200	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	
240	Nghiên cứu một số giải pháp gia cường kết cấu công trình bê tông cốt thép cũ	Lê Hồng Sơn	2221070217	Quản lý xây dựng K67C (DCXDQL67C)	Phạm Đức Thọ
		Phạm Thế Vũ	2221070209	Quản lý xây dựng K67B (DCXDQL67B)	
		Nguyễn Lương Hoàng Hải	2221070106	Quản lý xây dựng K67C (DCXDQL67C)	
		Đào Văn Hiếu	2121070056	Xây dựng HTCS K66	
		Phạm Quang Đạo	2221070196	Quản lý xây dựng K67C (DCXDQL67A)	

Tổng số đề tài: 240